

VIỆT NAM CỘNG HÒA    BỘ QUỐC PHÒNG    BỘ TỔNG TƯ LỆNH Q.L.V.N.C.H. PHÒNG 2

# Chiến Cụ

VIỆT-CỘNG ĐÃ XỬ DỤNG TẠI NAM VĨ-TUYÊN 17

WAR - MATERIAL

USED BY VIET CONG IN SOUTH VIETNAM

## FOREWARD

The purpose of this booklet is to provide RVNAF Field Personnel with orientation material, including characteristics and capabilities on "War Material used by the Viet Cong in South Vietnam". This booklet will enable using personnel to report items of capture with greater accuracy. The first edition of this publication, "Weapons, Ammunition, Mines and Booby Traps used by the Viet Cong South of the 17th Parallel", was published in August 1963. Included in this second edition are many items of enemy material not present in the first edition, as well as some additional data on items which appeared in the first edition.

This publication has been made possible through the courtesy of J2, High Command, RVNAF. Textual information was printed in both Vietnamese and English to facilitate common usage by RVNAF and U.S. Advisory Personnel.



C.A. YOUNGDALE

Brigadier General, U.S. Marine Corps  
ACofS, J2

Để có thêm tài-liệu ngò hầu giúp các Đơn-Vi dễ dàng trong việc nhận dạng các Chiến-Lợi-Phạm, Bộ Tổng Tư-Lệnh/Phòng Nhì xuất bản tiếp tập II về CHIẾN CỤ VIỆT-CỘNG ĐÀ XỨ-DUNG TẠI NAM VIỆT-TUYÊN 17.

Những Chiến-Lợi-Phạm ghi trong sách này đã được Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hoa tịch-thu của Việt Cộng và đã phổ-biến dưới hình thức Phiếu Phổ-Biến Kỹ-Thuật hay Bản Tin-Tức Kỹ-Thuật.

Trọng-tâm cuốn sách này, cũng như tập I, là để giúp chúng ta dễ-dàng nhận-dạng và báo-cao chính-xác chỉ-danh Chiến-Lợi-Phạm mỗi khi tịch-thu được.

Bộ Tổng-Tư-Lệnh/Phòng Nhì luôn-luôn đón nhận những ý-kiến xây-dựng và những tài-liệu của các Đơn-Vi trong Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hoa gửi về để tài-liệu được đổi-đáo hầu tiếp-tục xuất bản những tập kế-tiếp./-

TL. Trung-Tướng NGUYỄN-KHÁNH  
Tổng Tư-Lệnh Q.L.V.N.C.H.  
Trung-Tướng TRẦN-VĂN-MINH  
Tham-Mưu-Trưởng Liên-Quân.



*[Handwritten signature]*

In order to provide units with a manual for easy identification of war material, J-2 / High Command herewith publishes Handbook II on "WAR MATERIAL USED BY THE VC SOUTH OF THE 17 th PARALLEL".

The material covered herein has been captured by the Republic of Viet-Nam Armed Forces and disseminated information under the form of Technical Intelligence Report or Technical Information Report.

The purpose of this handbook as well as of handbook I, is to facilitate identification and proper reporting of names of material upon capture.

J-2/High Command continues to welcome constructive suggestions and documents from units in the Republic of Viet-Nam Armed Forces to provide sufficient materials for publication of additional handbooks./-

For Maj-Gen NGUYỄN-KHÁNH  
Commander in Chief, RVNAF  
Maj-Gen TRẦN-VĂN-MINH  
Chief of Joint Staff.



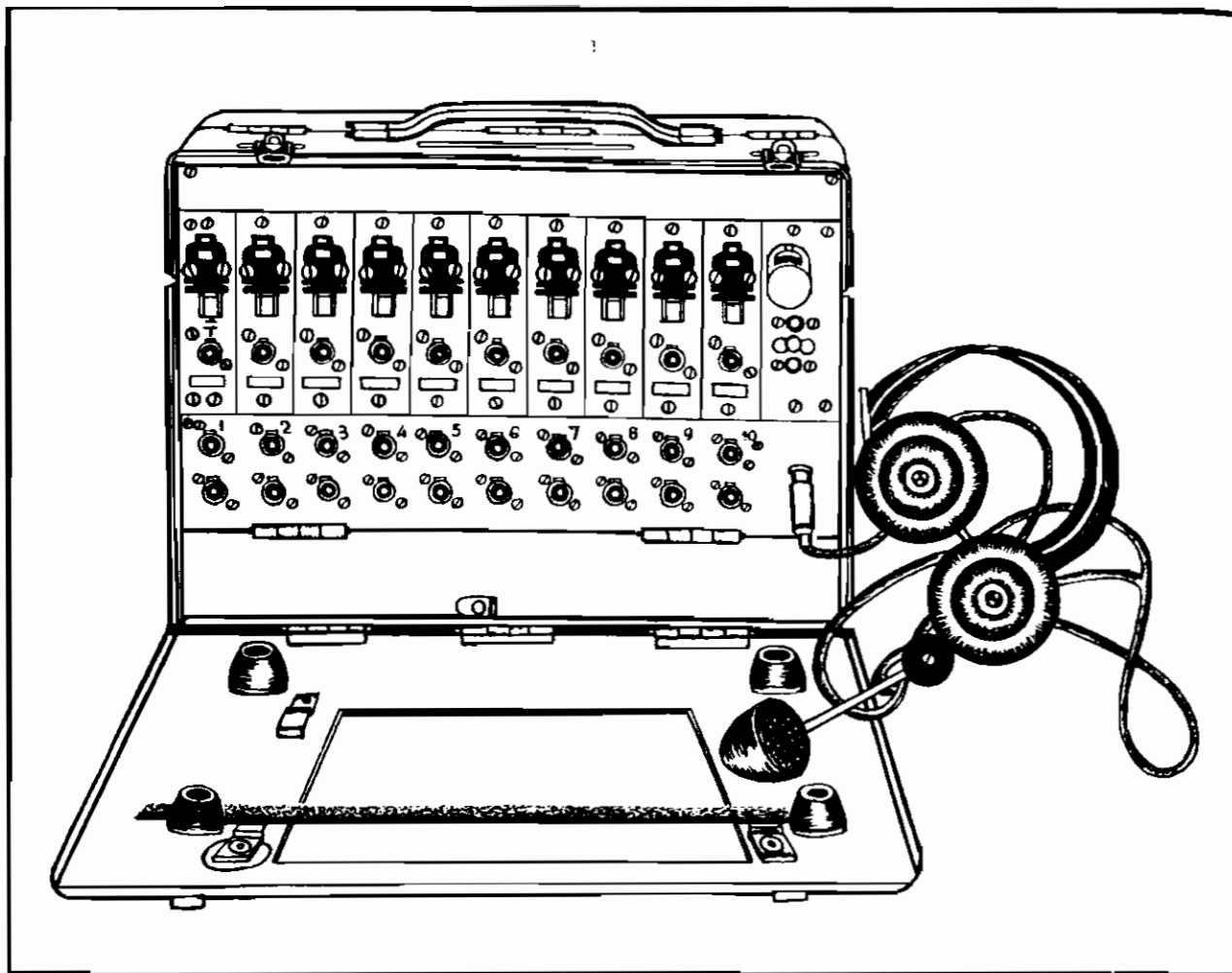
*[Handwritten signature]*

MỤC - LỤCCONTENTS

<u>Trang</u>	<u>Page</u>
- Tổng đài dã chiến 10 hướng của Trung-Cộng. . . . . 2	- ChiCom 10 line Field Switchboard . . . . . 2
- Súng lục Tiệp-Khắc cỡ 7,65 ly kiểu 1927. . . . . 4	- Czechoslovak 7.65mm pistol, Model 1927. . . . . 4
- Súng lục WALTHER 9 ly tự-dộng kiểu 38 (P38). . . 6 của Đức	- German 9 mm WALTHER Automatic pistol . . . . . 6 Model 38 (P.38)
- Súng lục bắn hỏa châu cỡ 26 ly của Trung-Cộng. 8	- ChiCom 26mm Signal pistol . . . . . 8
- Súng ám sát hình bút máy . . . . . 10	- Fountain pen assassination weapon . . . . . 10
- Súng Carbine MOSSIN-NAGANT cỡ 7,62 ly, M.1944 12 của Nga-sô và kiểu 53 của Trung-Cộng	- Russian 7.62mm Mossin-Nagant Carbine M.1944. 12 and ChiCom Mossin-Nagant M.53.
- Súng Tiểu-liên cỡ 9 ly kiểu 37 Trung-Cộng. . . 16 có ống giảm thanh.	- ChiCom 9mm Submachine Gun with silencer. . . 16 Model 37.
- Tiểu-liên K.50/PPSH.41 cỡ 7,62 ly của Trung- 20 Cộng biến chế.	- ChiCom 7.62mm Modified Submachine Gun . . . 20 K.50/PPSH.41.
- So-sánh Tiểu-liên K.50/PPSH.41 của Trung- . 22 Cộng với Tiểu-liên cùng loại biến chế.	- Comparison of the ChiCom Submachine Gun . . . 24 K.50/PPSH.41 with Modified SMG K.50.
- Súng Trung-liên DPM.DEITYAREV cỡ 7,62 ly . . 28 kiểu 53 của Trung-Cộng.	- ChiCom 7.62mm DPM.DEITYAREV Automatic . . . 28 Rifle Type 53.
- Trung-liên MADSEN cỡ 7,92 ly của Đan-Mạch. . 30 và Trung-Cộng.	- Danish and ChiCom 7.92mm MADSEN . . . . . 30 Automatic Rifls.
- Đại-liên 12,7 ly của Học-kỹ biến cải thành . 32 Đại-liên phong không của Việt-Cộng.	- VC AA Machine Gun modified from the U.S. . . 32 12.7mm (U.S. Caliber 50) Machine Gun.
- Đại-liên kiểu MG.34 cỡ 7,92 ly của Đông-Đức. 34	- East German 7.92mm Machine Gun Model MG.34 . 34

<u>Trang</u>	<u>Page.</u>
- Đại-liên MAXIM 08 cỡ 7,92 ly, kiểu 24 . . . 36 của Trung-Cộng .	- ChiCom 7,92mm 08 MAXIM Heavy Machine. . . 36 Gun Model 24.
- Súng Bích-kích-Pháo 60 ly của Trung-cộng. . 38	- ChiCom 60mm Mortar . . . . . 38
- Dạn BKP 60 ly nổ mạnh của Trung-cộng . . . 40 với hỏa-pháo MP.82 bằng nhựa; so-sánh dạn . này với dạn BKP 60 ly nổ nhẹ của Hoa-kỳ . .	- ChiCom 60mm Mortar High Explosive Shell. 40 with MP.82 Plastic Fuze (similar to the U.S. 60mm Mortar Low Explosive Shell) .
- Hỏa-pháo bằng nhựa kiểu MP.82 Nga-sô . . . 42 Dạn tổng, thuốc bỏi .	- Soviet Plastic Fuze Model MP.82 Propelling 42 Cartridge, Booster,
- Lưu dạn dù nội-hóa C.C.X. của Việt-cộng . . 46	- VC Anti-Tank locally made Hand Grenade . . 46
- Lưu dạn dù ném tay nổ lôm C.C.X. kiểu RKG . 50 (nghi-ngờ của Nga-sô).	- Anti-Tank Parachute Hand Grenade , . . . . 50 Model RKG (Suspected Communist Block). . .
- Dạn Đại Bác 57 ly không giật của Trung-cộng 54 loại nổ mạnh chống chiến xa.	- ChiCom 57mm Recoilles Rifle Shell, . . . . 54 Armor Piercing, HE.
- Mìn Xe-dạp . . . . . 56	- Bicycle Mine . . . . . 56
- Mìn nội-hóa nổ chậm đồng hồ . . . . . 58	- Homemade Mine Delay Firing Device. . . . . 58 (5 Gallon can type, weight 25 kilos.
- Khối nổ lôm . . . . . 60	- Shaped Charge . . . . . 60
- Khối nổ lôm . . . . . 62	- VC locally made Shaped Charge. . . . . 62
- Thủy-lôi nội-hóa của Việt-Cộng . . . . . 64	- VC locally made Water Mine . . . . . 64
- Thủy-lôi nội-hóa của Việt-Cộng . . . . . 66	- VC homemade Water Mine . . . . . 66
- Mìn hình chóp out của Việt-Cộng. . . . . 68	- VC Short Cone Shaped Mine. . . . . 68
- Mìn nổ lôm nội hóa loại giật dây cọ xát VC 70	- VC Non-Electrio, Homemade Hollow Cone Mine. 70
- Mìn bẫy chống người của Việt-Cộng. . . . . 72	- VC Homemade, Anti-personnel Mine . . . . . 72

	<u>Trang</u>		<u>Page</u>
- Mìn nội-hóa hình trụ có khía của VC. . . . .	74	- VC Cylindrical Fragmentation Mine . . . . .	74
- Mìn CCX bằng gang đúc có khía của VC. . . . .	76	- VC Cast Iron Anti-Tank Mine w/Fragmentation . . . . .	76
- Mìn CCX nội-hóa 100 ly của VC làm bằng đạn. BKP.100 ly của Anh.	78	- VC locally made Anti-Tank Mine 100mm, made. from British 100mm Mortar Shel.	78
- Mìn CCX của Việt-Cộng. . . . .	80	- VC Anti-Tank Mine . . . . .	80
- Mìn nội-hóa hình rùa - ciment - của VC. . . . .	82	- VC Turtle Shaped,Cement Homemade Mine . . . . .	82
- Mìn nội-hóa hình cái quả - ciment - của VC.	84	- VC Betel Box Shaped,Cement Homemade Mine. . . . .	84
- Mìn nội-hóa hình mô tròn - ciment - của VC.	86	- VC long & round mound shaped,Cement Mine. . . . .	86
- Mìn rùa nội-hóa VC làm bằng tôn. . . . .	88	- VC Turtle Shaped Mine made of sheet metal . . . . .	88
- Mìn hình tròn khối của Việt-Cộng. . . . .	90	- VC locally made round volume mine . . . . .	90
- Mìn nội hóa hình mô tròn dài có khía làm bằng ciment của VC.	92	- VC locally made long & round mound mine . . . . . with fragmentation made of cement.	92
- Mìn ống giấy Bính kích Pháo 81 ly . . . . .	94	- 81mm Mortar container Mine . . . . .	94
- Mìn định hướng DM-10 của Việt-Cộng. . . . .	96	- VC Fixed Directional Fragmentation Mine . . . . .	96
- Trái lửa Sodium nội-hóa của Việt-Cộng . . . . .	100	- VC homemade, Sodium Incendiary Grenade . . . . .	100
- Bộ phận phát hỏa bằng hóa học . . . . .	102	- Chemical Firing Device . . . . .	102
- Khối nổ TNT của Trung-Cộng . . . . .	104	- ChiCom TNT Demolition Block . . . . .	104
- Máy phát điện giật mìn LA 2 B của Trung-Cộng	106	- ChiCom LA 2 B Mine Blasting Machine . . . . .	106
- Địa bàn của Nga-sô/Trung-Cộng . . . . .	108	- Russian - ChiCom compass. . . . .	108
- Lân-Tinh đỏ của Trung-Cộng . . . . .	110	- ChiCom Red Phosphorus . . . . .	110



TỔNG ĐÀI DẠ CHIẾN 10 HƯỚNG CỦA TRUNG-CỘNG.

Tổng đài gồm có 10 hướng, sử-dụng bằng núm khóa thay vì dây nối và có thể nối tiếp với một tổng đài cùng loại. Kỹ-thuật chế-tạo rất tinh-vi nhẹ-nhàng, khai thác nhanh chóng và dễ-dang rất thích-hợp cho chiến-trường.

- Tổng đài có khả-năng đàm thoại tối đa là 8 người trong một lúc.

- Tổng đài có 2 hệ-thống báo hiệu cho tổng đài viên biết khi có giới-chức gọi :

- 1/- Bằng cách nhìn vào các quả số rớt xuống
- 2/- Bằng cách nghe chuông báo hiệu.

ĐẶC TÍNH :

- Máy cân nặng 9 Kg 800
- Tầm hoạt động trung bình 10 Cây số
- Tiếp diện Bằng 2 cục pin đèn loại lự cho ống noi đèn soi sáng và chuông báo hiệu.
- Nhược xuất 1,3 decibel (Tỷ số ký hiệu vào và ký hiệu ra)
- Kích thước
  - Chiều cao 218 ly
  - Chiều dài 270 ly
  - Chiều ngang 162 ly

CHICOM 10 - LINE FIELD SWITCHBOARD.

This type of switchboard has 10 lines and uses keys instead of connecting cords. It can be connected with a switchboard of the same type. The item is meticulously manufactured and is light. It is easily and quickly operated and very suitable for this theater of operations.

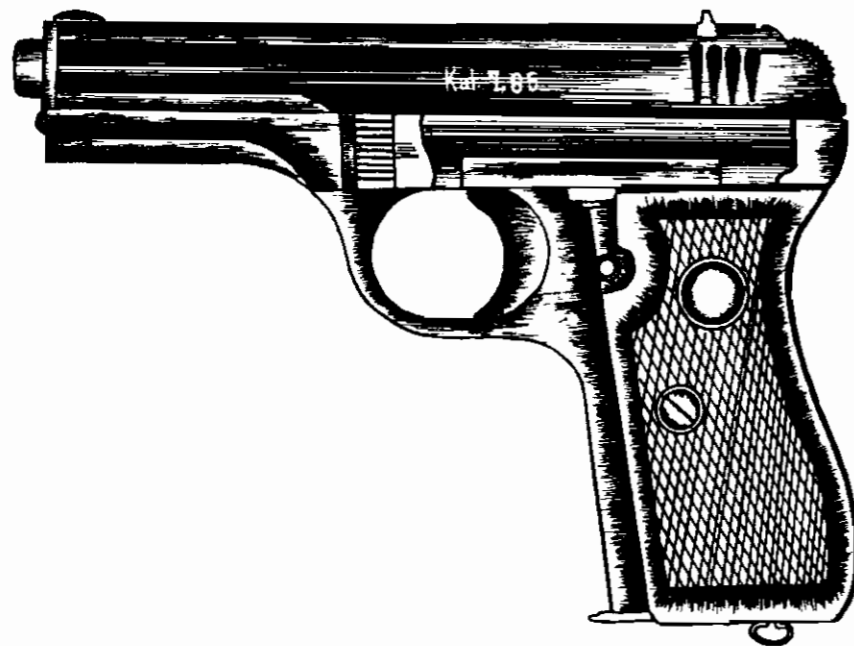
- This switchboard can provide communication for 8 men at the same time.

- This switchboard has 2 alarm systems for operator when someone calls the switchboard :

- 1/- Drop type windows
- 2/- Bell ringing alarm.

CHARACTERISTICS :

- Weight 9.800 Kg/20 pounds.(Approx)
- Average range 10 Km/5.8 miles
- Power Supply 2 flashlight batteries 3 VDC for the transmitter, pilot light and bell.
- Decibel 1,3 (percentage of input and output)
- Dimensions
  - Height 218 mm/ 7 inches
  - Length 270 mm/ 11.5 inches
  - Width 162 mm/ 5.5 inches.



#### SÚNG LÚC TIỆP-KHÁC CỎ 7,65 LY KIỆU 1927.

Súng lục 7 ly 65 kiểu 1927 là loại súng cơ hành giật hậu đơn giản bắn với đạn BROWNING 7,65 ly (.32 súng lục colt tự động). Súng chế tạo hỗn hợp giữa cách đặt nòng súng của hệ thống colt BROWNING và bộ phận kích hỏa theo kiểu súng lục bộ tui MAUSER; và một phần nhỏ của chốt lửa nằm ra ngoài.

Súng có hệ thống an toàn, ở nơi phía trái, sau ổ súng gồm có :

- 1 cần kéo
- 1 nút bấm

(giống như hệ thống an toàn súng lục MAUSER Đức kiểu 1910).

Muốn khóa an toàn dùng ngón tay cái, ấn cần về phía dưới; nếu muốn mở khóa an toàn cũng vẫn dùng ngón tay cái ấn mạnh nút bấm.

#### ĐẶC TÍNH :

Nòng cỡ	7 ly 65
Dài	160 ly
Nặng có băng đạn	0 Kg 750
Băng đạn	8 viên.

#### CZECHOSLOVAK 7.65 MM PISTOL, MODEL 1927.

The 7.65mm pistol, Model 1927 is a recoil operated and simple weapon. The pistol fires 7.65mm Browning Ammunition (.32 Colt Automatic Pistol). The barrel is placed in the same manner as the Browning pistol and its firing mechanism is patterned after the pocket size Mauser pistol. In addition, a small part of the hammer is seen outside.

The pistol has a safety device on the left side and behind the trigger. The safety device consists of :

- Safety lock
- And a grip safety

(This safety device is similar to that of the German Mauser pistol, Model 1910).

To lock, push the safety lock forward with the thumb, to unlock also use the thumb to press hard on the grip safety.

#### CHARACTERISTICS :

Caliber	7.65mm
Length	160mm/6.3 inches
Weight with magazine	.750 Kgs/1.5 pound
Magazine capacity	8 rounds.



SÚNG LỤC WALTHER 9 LY TỰ ĐỘNG KIỂU 38 (P.38)  
CỦA ĐỨC.

Vũ khí được coi như là một trong những loại súng lục thông dụng của Quân-đội Đức-Quốc trong năm 1938. Từ đây vũ khí được dùng như là súng lục tiêu-chuẩn của Tây-Đức, và chuyên-vận theo tác-động kép.

ĐẶC TÍNH :

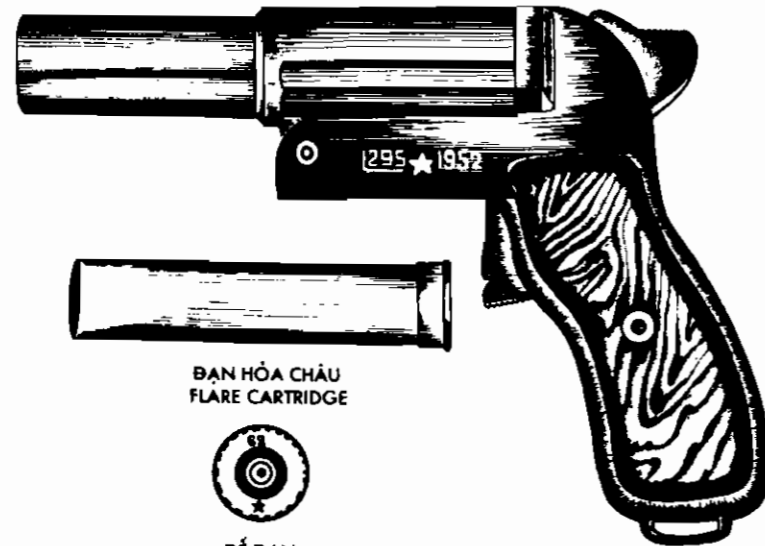
Cỡ	9 ly
Cơ hành	Giật hậu, bán tự động.
Dài toàn thể	216 ly
Trọng lượng (không băng đạn)	0 Kg 955
Loại đạn	9 ly Parabellum
Băng đạn	8 viên
Tầm sát hại	50 thước.

GERMAN 9MM WALTHER AUTOMATIC PISTOL MODEL 38  
(P.38)

This weapon was adopted as one of the standard pistols of the German Army during 1938. It has since been adopted as the standard pistol of the West German Army. It is equipped with a double-action movement.

CHARACTERISTICS :

Caliber	9 mm
Operation	Recoil, semi automatic fire
Overall length	216 mm/8.5 in.
Weight empty	1.05 Kg/2.5 lbs.
Ammunition	9 mm Parabellum
Magazine capacity	8 rounds
Effective range	50 meters/54 yards.



ĐẠN HỎA CHÁU  
FLARE CARTRIDGE

ĐẼ ĐẠN  
CARTRIDGE BASE

SÚNG LỤC BẮN HỎA CHÁU CỠ 26 LY CỦA TRUNG-CỘNG

Súng lục này nạp đạn bằng cách bẻ gấp nòng súng lại, cũng như loại súng săn một hoặc hai nòng. Khi nạp đạn phải ấn chốt nơi cuối ổ súng lên để bẻ gấp nòng súng lại. Súng không lên cơ tự động được; muốn bắn, phải lên cò tay bằng cách kéo cho lửa về phía sau.

ĐẶC TÍNH

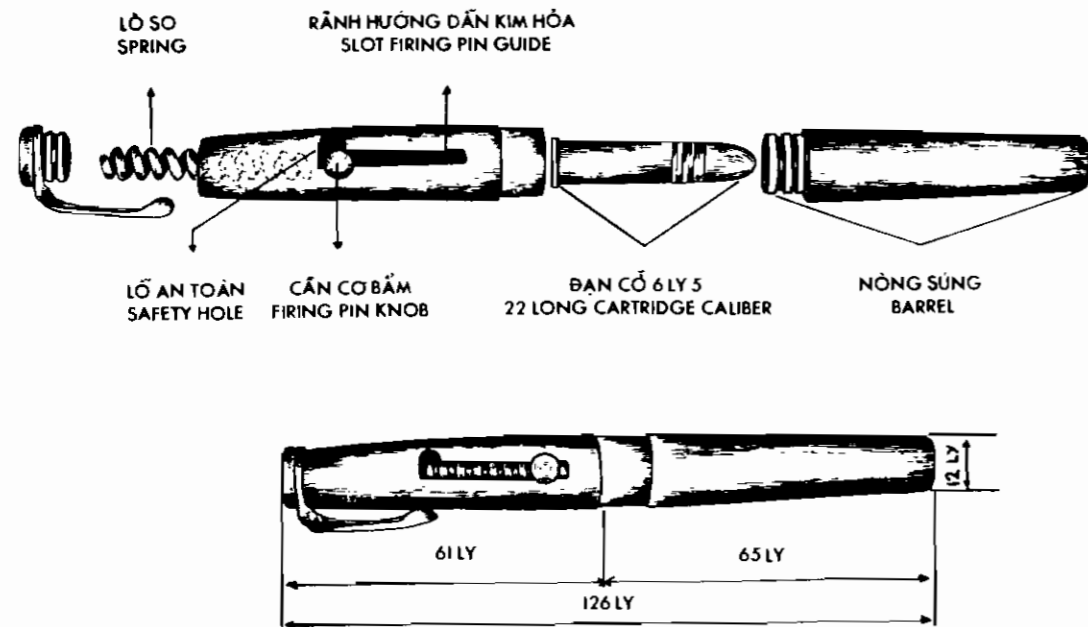
Cỡ nòng	26 ly
Cơ hành	Nạp đạn từng viên
Dài toàn thể	216 ly
Nặng	0Kg906
Tên oao của hỏa châu nổ	Chứng 33 thước

CHICOM 26MM SIGNAL PISTOL

This pistol has a break down action similar to that of a single or double barrel shotgun. The barrel release is located in the bottom of the trigger. It must be manually cocked to fire by pulling the hammer to the rear.

CHARACTERISTICS

Caliber	26mm
Operation	single loaded
Overall length	216mm/8.5 inches (Approx)
Weight	9.20kg/2 lbs (Approx)
Height of buret	About 33 meters/36 yards



## SÚNG ÁM-SÁT HÌNH BÚT MÁY

Vũ khí có hình-dạng một cây bút máy thường, có móc dặt tụi. Trên thân nắp bút máy có một đường rãnh dùng để hướng dẫn kim-hóa. Cơ bắ và kim-hóa được dính liền thành một khối.

Thân bút máy làm bằng ống thép mỏng, nòng trơn, không khàng-tuyên bắn với nhúng mục-tiêu gần (1,5 thước).

Trước khi bắn, phải tháo rời thân bút máy (cũng là nòng súng) ra để nạp đạn vào nòng rồi vặn lại. Muốn bắn, lên cơ bằng cách kéo núm vào lỗ an-toàn; súng đã sẵn-sang ở thể dự-kích. Lúc bắn, hướng súng về mục-tiêu và xoay gờ cơ-bắ về bên phải khiến cơ-bắ thoát ra khỏi lỗ an-toàn không bị giữ lại, kim-hóa được tự-do phóng tới trước đập vào hột ohm hoa để kích hóa.

## ĐẶC TÍNH

Cơ nòng	Đạn cỡ 22 dài (5,6 ly)
Dài toàn thể	126 ly
Bề dài của nòng	65 ly
Đường kính bên ngoài	12 ly (nơi rộng nhất)
Tầm sát hại tối đa	1 thước 50.

## FOUNTAIN PEN ASSASSINATION WEAPON

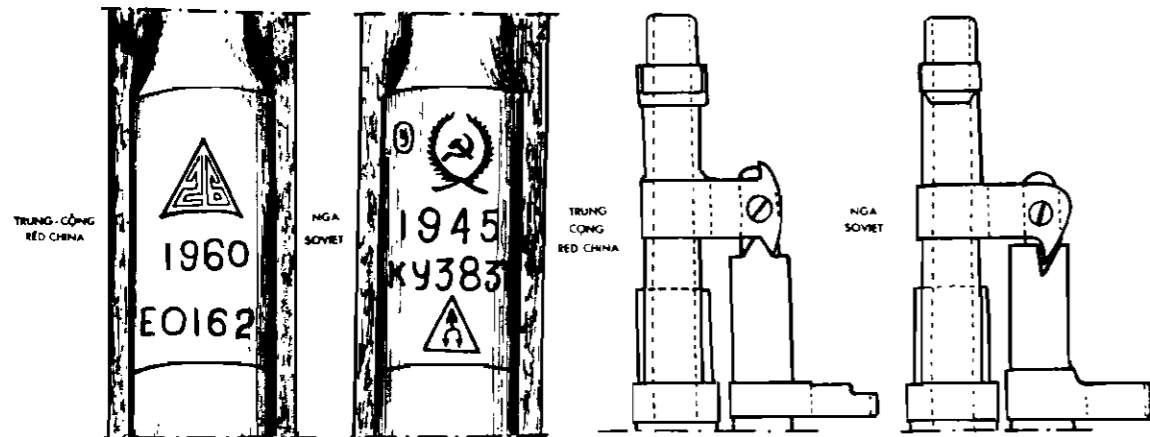
This weapon has the shape of an ordinary fountain pen with a fastening clip. A groove used for guiding the firing pin is seen on the pen cap. The bolt and firing pin are in one piece.

The pen body is made of a smooth, thin metal tube and the bore has no riflings. The weapon is employed at short range (1.5m).

Prior to firing, remove the body (also the barrel of the weapon) for loading and then replace. To cock the weapon, pull the operating handle to the rear and turn left until it engages in the safety lock. The weapon is now in the cocked position. To fire, point the weapon toward the target and turn the operating handle right. The operating handle disengages from the safety pin and pushes the firing pin forward, which strikes the primer by force of the spring.

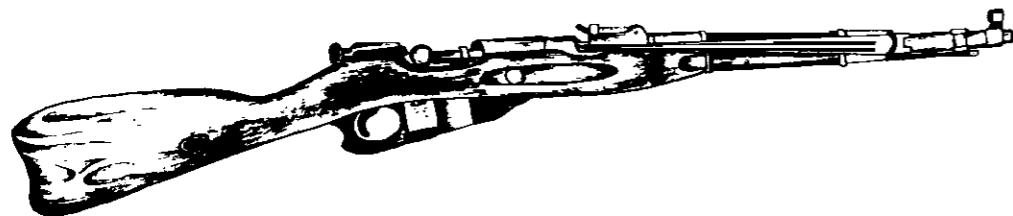
## CHARACTERISTICS

Caliber	Cal.22 (5.6mm)
Overall length	126mm/4.96 inches
Length of barrel	65mm/2.56 inches
Outside diameter of barrel	12mm (the largest part)/0.47 inches
Maximum effective range	1.5 m/5 feet.



NHÃN ĐÌNH SÚNG CARBINE 7 LY 62 MOSSIN NAGANT CỦA NGA VÀ MOSSIN NAGANT CỦA TRUNG CỘNG QUA SỰ NHÃN ĐĂNG DẤU HIỆU TRÊN MẶT CƠ BẮM  
DIFFERENT MARKINGS STAMPED ON THE RECEIVER OF BOTH SOVIET AND RED CHINA CARBINE MOSSIN NAGANT

NHÃN ĐÌNH SÚNG CARBINE 7 LY 62 MOSSIN NAGANT CỦA NGA VÀ MOSSIN NAGANT CỦA TRUNG CỘNG QUA SỰ NHÃN ĐĂNG HÌNH THẺ CỦA LƯỚI LÊ  
DIFFERENCE BETWEEN THE SHAPE OF THE BAYONNET AND HOLDER OF BOTH SOVIET AND RED CHINA CARBINE MOSSIN NAGANT



SÚNG CARBINE 7,62 LY MOSSIN-NAGANT M.1944 CỦA  
NGA-SÔ VÀ MOSSIN-NAGANT KIỂU 53 CỦA TRUNG - CỘNG.

1.- Súng Carbine Mossin-Nagant M.1944 của Nga-Sô

Súng Carbine Mossin-Nagant cỡ 7,62 ly kiểu M.1944 có gắn lưỡi lê tự-dộng của Nga-sô là một loại vũ-khí căn-bản như súng Carbine kiểu M.1938, ngoại trừ lưỡi lê gấp. Súng này thay thế cho khẩu súng trường cỡ 7,62 ly Mossin-Nagant kiểu 1891/30, một loại vũ-khí tiêu-chuẩn cho Lục-Quân.

Súng Carbine Mossin-Nagant kiểu 1944 có gắn lưỡi lê thường xuyên nơi đầu nòng súng; lưỡi lê này mở gấp tự-dộng (gấp được về sau theo vòng phải của súng)

Cả hai loại súng Carbine kiểu 1938 và M.1944 đều bắn từng phát một và nạp đạn bằng gập 5 viên. Khi nạp đạn vào nòng và căn cơ-bấm đóng lại, súng ở vị-thế dư-kịch. Muốn khóa an-toàn, kéo núm dưới cơ-bấm về sau và xoay qua trái khoảng 30 độ để mấu oam chó lửa tì lên phía sau mạp trái hộp cơ-bấm.

ĐẶC - TÍNH

Cỡ	7,62 ly
Sơ tốc độ	883 m/th/giây
Khoảng cách hiệu dụng	401 m 28
Bề dài súng có lưỡi lê	1 m 016
Trong lượng	4 kg 300
Nhịp bắn	8 - 10 viên/phút
Gập đạn	5 viên.

RUSSIAN 7.62 MM MOSSIN-NAGANT CARBINE MODEL 1944  
AND CEICOM MOSSIN-NAGANT MODEL 53

1.- Russian 7.62 Mossin-Nagant Carbine Model 1944

The Russian 7.62 mm Mossin-Nagant Carbine Model 1944 is equipped with a bayonet (folding). It is adopted as a basic weapon like the Carbine M.1938 (except for the folding bayonet) and is used to replace the 7.62mm Mossin-Nagant Rifle Model 1891/30, a standard shoulder type weapon of the ground forces.

The Mossin-Nagant Carbine M.1944 is permanently equipped with a bayonet which can fold and unfold (the bayonet folds to the rear, on the right side of the weapon).

Both types of Carbine model 1938 and model 1944 fire single shot and are loaded by a clip of 5 rds. When the cartridge is pushed into the chamber, the bolt closes up. The weapon and the bolt are locked and put at the safety position by pulling the bolt to the rear and to the left approximately 30 degrees until the small lug of the bolt seats on the left edge of the receiver.

CHARACTERISTICS

Caliber	7.62mm
Muzzle velocity	883 m (2,700 ft)/Sec.
Effective range	401.28 m/433 yds.
Length/bayonet extended	1.016 m/52.4 inches
Weight	4.300 kg/8.6 pounds
Rate of fire	8 - 10 rounds/minute
Magazine capacity	5 rounds.

11.- Súng Carbine 7ly62 Mossin-Nagant kiểu 53 của Trung-Công

Ngoài súng Carbine 7ly62 Mossin-Nagant M1944 của Nga-sô, Quân-dội ta cũng có tịch-thu được một loại Carbine 7ly62 Mossin-Nagant kiểu 53 của Trung Công chế tạo theo kiểu súng của Nga-sô. Nhưng có một vài đặc điểm khác biệt, nhờ đó ta có thể nhận dạng và số sanh về kỹ-thuật chế-tạo.

SÚNG CỦA NGA-SÔ

SÚNG CỦA TRUNG-CÔNG

Lưỡi lê:

-Sắt giữ lưỡi lê có một mấu nhọn ở cạnh dưới.  
-Khoen tròn lưỡi lê có hình tròn nguyên vẹn. Muốn lắp lưỡi lê, khi khoen lưỡi lê đã đưa đến đầu nòng súng, dùng ngón tay cái và trỏ nắm chắc lấy cổ lưỡi lê kéo mạnh lên, đưa khoen lưỡi lê vào đầu nòng súng.

Lưỡi lê:

-Sắt giữ lưỡi lê có 2 mấu nhọn ở 2 đầu cạnh.  
-Khoen tròn lưỡi lê có hình tròn, nhưng đầu bị khuyết vào. Muốn lắp lưỡi lê, khi khoen lưỡi lê đã đưa đến đầu nòng súng, lấy tay đẩy mạnh vào, tức khoen lưỡi lê được mang vào đầu nòng súng.

13

11.- Chicom Mossin-Nagant Carbine Model 53.

Apart from the Russian 7.62mm Mossin-Nagant Carbine M 1944, our Armed Forces have also captured a Chicom 7.62mm Mossin-Nagant Carbine Model 53. This weapon is a direct copy of the Soviet 7.62mm Carbine. However, there are some distinguishing features between the 2 types of weapons according to an identification and comparison of the technique of manufacture.

RUSSIAN WEAPON

CHICOM WEAPON

Bayonet:

- The bayonet has a hook at its lower part.  
- The bayonet holder has a round hole. To attach the bayonet, when the bayonet holder turns toward the weapon muzzle, tightly hold the bayonet with the thumb and forefinger and pull it up then seat the bayonet holder against the weapon muzzle.

Bayonet:



-The bayonet swivel has 2 hooks at both ends.  
-The bayonet holder has a round hole, with a cut at the end. To attach the bayonet, when the bayonet holder turns toward the weapon muzzle, press it hard with the fingers and the bayonet immediately hooks into the weapon muzzle.

14

Dấu hiệu:

- Trên mặt cơ-bám, nơi phần trên buồng đạn có ghi dấu hiệu búa lưỡi liềm treo ngang bọc bởi 2 lá liễu, phần giữa có dấu hiệu năm sản xuất, kế đó là số trước tích và sau hết là phần dưới có một tam giác cân ở giữa hình tam giác ấy có một mũi tên.


Dấu hiệu:

- Trên mặt cơ-bám, nơi phần trên buồng đạn có dấu hình tam-giác long chữ số  Phần giữa  là dấu hiệu năm sản xuất, sau hết là phần dưới có số trước tích của vũ-khí.

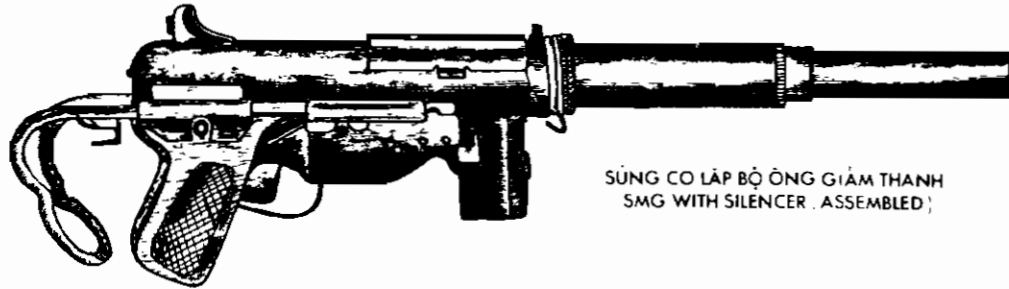
Markings:

-On the surface of the receiver at the upper part of the chamber is inscribed a hammer and sickle sign surrounded by 2 oak leaves. The middle part shows the year of manufacture. Next comes the weapon serial number. At the lower part is a triangle with an arrow inside.

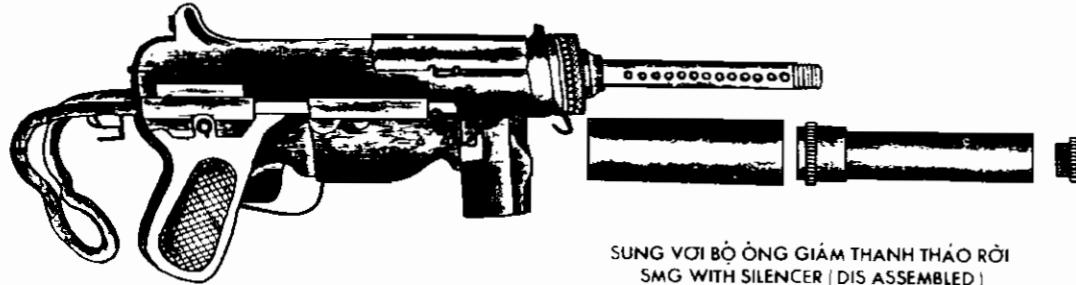
Markings:

-On the surface of the receiver, at the upper part of the chamber is inscribed a triangle with figure  inside. The middle part shows the year of manufacture and on the lower part is the weapon serial number.

## SÚNG TIỂU LIÊN CỠ 9 LY KIỂU 37 TRUNG - CÔNG CÓ ỐNG GIẢM THANH



SÚNG CƠ LẬP BỘ ỐNG GIẢM THANH  
SMG WITH SILENCER, ASSEMBLED



SÚNG VỚI BỘ ỐNG GIẢM THANH THÁO RỜI  
SMG WITH SILENCER (DIS ASSEMBLED)

## SÚNG TIỂU LIÊN CỠ 9 LY KIỂU 37 TRUNG-CÔNG CÓ ỐNG GIẢM THANH.

Súng tiểu-liên cỡ 9 ly kiểu 37 của Trung-Công hoàn-toàn chế tạo đúng theo kiểu súng M3A1 của Hoa Kỳ, cơ hành giật hậu và chỉ bắn tự động mà thôi.

Súng bắn từ vị thế cơ bằm mở với cơ bằm ở phía sau và bằng đạn ở tại chỗ, súng sẵn-sang kích hoạt.

### ĐẶC TÍNH

Bề dài không báng súng	64,5 cm
Bề dài với báng súng xếp vào	71 cm
Bề dài với báng súng kéo ra	89 cm
Cỡ nòng	9 ly
Bề dài nòng súng	15 cm
Đường kính bên ngoài nòng	2 cm
Trọng lượng (không báng đạn)	4 Kg
Tầm sát hại	50 thước

### Ống giảm thanh:

Để ráp ống giảm thanh nội hóa vào súng Tiểu-liên 9 ly kiểu 37 Trung-Công, Việt-Công đã khoan thêm 4 hàng lỗ trên nòng súng, 13 lỗ 1 hàng. Đường kính của mỗi lỗ là 5 ly. Vị-tri của lỗ cuối cùng cách buồng đạn 50 ly.

### Toàn bộ ống giảm thanh:

Ống giảm thanh nội-hóa gồm có 2 ống dài:

Ống thứ nhất nhiều dài 160 ly và đường kính 40 ly. Một cuộn lưới kim khí được cuộn lại với một miếng nilông dầu, tất cả được cho vào trong ống và lắp ống đó vào nòng súng. Ống này dùng để giảm

## CHICOM 9MM SUBMACHINE GUN WITH SILENCER, MODEL 37.

The Chicom 9mm Submachine gun, Model 37 is a direct copy of the U.S. SMG M3A1. The weapon is recoil operated and can be fired automatically only.

The weapon fires when the bolt is open (bolt is in the rear) and the magazine in place.

### CHARACTERISTICS

Length w/o stock	64.5cm/25.4 inches
Length with folded stock	71 cm/27.8 inches
Length with extended stock	89 cm/35.5 inches
Caliber	9 mm
Length of barrel	15 cm/5.9 inches
Outside diameter of barrel	2 cm/.8 inches
Weight w/o magazine	4 kg/8.8 pounds
Effective range	50 m/53 yds (Approx)

### Silencer:

The VC attach a locally made silencer to the Chicom 9 mm, Model 37 SMG, the VC drill 4 lines of holes on the weapon barrel of 13 holes each. The diameter of each hole is 5 mm. The last hole is located 50 mm from the chamber.

### The silencer assembly:

The locally made silencer consists of 2 long tubes:

The first tube is 160 mm in length and 40mm in diameter. The tube is stuffed with a roll of metal screen and a piece of wool soaked with oil and then attached to the weapon barrel. This tube serves as

nhiệt bằng dầu và cho năng lượng nhiệt thoát khỏi ống bao nóng. Bên trong còn có thể nói là giảm nhiệt bằng không khí nữa.

Ống thứ hai với chiều dài 170 ly và đường kính 30 ly. Một cuộn lưới bằng kim khí được đay vào bên trong lòng ống. Ống này khi cần tới có thể ráp vào nòng súng khi bắn.

Ước chừng 70% tiếng nổ có thể giảm đi.

Phương pháp giải nhiệt bằng dầu và không khí rất có hiệu lực.

Quan niệm chiến thuật này V.C. đã bắt chước và ráp theo kỹ-thuật chế-tạo phụ-tung vũ-khí của các nước Tây-Phương. Trong chiến tranh du-kích, vũ-khí này rất hữu-dùng. Ở cự ly chừng 300 thước không ai có thể nghe tiếng súng bắn.

an oil cooling device and provides an outlet for the heat from the barrel jacket.

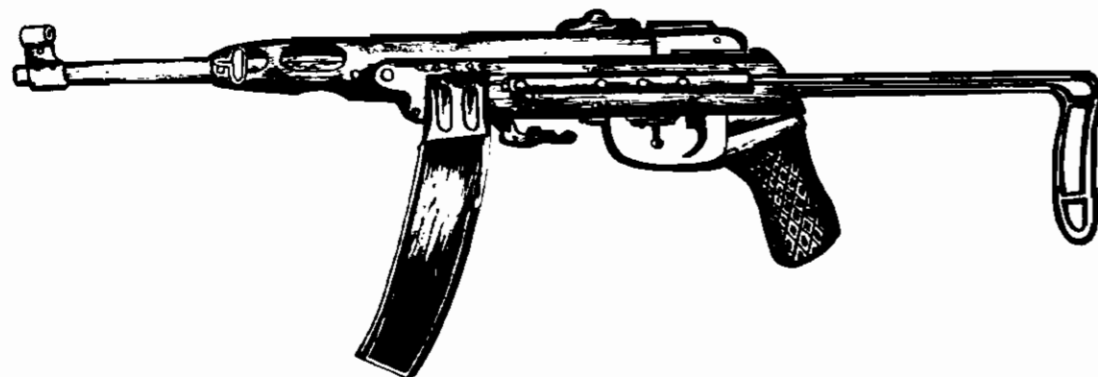
The second tube is 170mm in length and 30mm in width and is stuffed with a roll of metal screen. This tube can be detached from the barrel when required.

It is estimated that about 70% of the noise is reduced.

The oil and air cooling is very effective.

The VC have copied the technique of manufacturing weapon spare parts of Western countries. This type of weapon is very useful in guerilla warfare.

The noise of the weapon cannot be heard at a distance of approximately 300 meters.



## TIÊU-LIÊN 7,62 LY K.50/PPSH 41 TRUNG-CỘNG BIẾN CHẾ

Tiêu-liên 7,62 ly K.50/PPSH.41 của Trung-Cộng biến chế là loại vũ-khí nguyên thủy Tiêu-liên 7,62 ly K.50/PPSH.41 Trung-Cộng, Nga-sô (trang 16 -Sách Vũ-khí, Đan-được và Mìn-bay do VC sử-dụng tại Nam Vi-Tuyên 17).

Loại Tiêu-liên cơ-hành giật hậu, có một xạ tốc oao và có thể bắn tự-dộng và bán tự-dộng tùy theo vị-trí đội cựa phân-tách tạo-xa (ở phía trên sắt chế cơ) bằng cách: Nếu đẩy cựa về trước là bắn tự-dộng, còn đẩy cựa về sau là bán tự-dộng. Súng bắn từ vị-thế cơ bằm mệ, khi bằng đạn được nạp vào nầm tại chỗ, súng sẵn sàng kích hỏa.

Súng được lắp một băng bằng sắt (tháo ra lắp vào được) theo kiểu và kích thước của băng súng Tiêu-liên MAT 49 của Pháp (Thay vì băng súng bằng cây như kiểu K.50/PPSH.41 nguyên thủy.)

ĐẶC - TÍNH:

Nòng súng	7,62 ly
Băng đạn	2 loại: Loại tròn 71 v; loại cong chứa 35 v.
Trong lượng có băng đạn	4kg490
Cơ-hành	Giật hậu
Giảm nhiệt	Bởi không khí và ống bao nóng
Nhịp độ tạc-xa	700-750 viên/phút
Cần lên cơ	Bên phải
Kim hỏa	Nằm trong cơ-bằm
An toàn	Bởi cơ-bằm
Xạ tĩnh	Tự-dộng và bán tự-dộng
Bề dài không băng sắt	55 cm 88
Bề dài có băng sắt	74 cm 95

## CHICOM 7.62MM MODIFIED SUBMACHINE GUN K50/PPSH.41

The ChiCom 7.62mm modified Submachine Gun/PPSH.41 was originally ChiCom and Russian 7.62mm Submachine gun K.50/PPSH.41 (published on page 16 of the book on weapons, ammunition, mines and booby traps used by the VC South of the 17 th parallel.)

This type of submachine gun is recoil operated. This is a high cyclic rate weapon that can be fired either full or semi-automatic depending on the change of position of the fire lever located above the trigger guard. To fire full automatic, push the fire lever forward, to fire semi-automatic push it to the rear. The weapon is fired with its bolt open.

When the magazine is inserted into the weapon and seats in place, the weapon is ready to cock.

The weapon has a metal stock (that can be removed) which is identical in dimension and model to that of the French MAT 49 Submachine gun (instead of wooden stock like the original K.50/PPSH.41.)

CHARACTERISTICS:

Caliber	7.62mm
Magazine/capacity	Curved box/35 rounds - Drum 71 rounds.
Weight w/magazine	4.490 kg/8.4 pounds.
Operation	Blowback
Cooling system	By air and barrel jacket
Cyclic rate of fire	700-750 rpm
Operating handle	On the right
Firing pin	In the bolt
Safety	By the bolt
Firing characteristics	Full and semi-automatic
Length w/o metal stock	55.88cm/22 inches
Length w/ metal stock	74.93cm/29.5 inches

SÚNG TIỂU LIÊN 7 LY 62 K 50/PPSH 41 CỦA TRUNG CỘNG  
RED CHINA 7.62 SUBMACHINE GUN TYPE K 50/ PPSH 41



SÚNG TIỂU LIÊN 7 LY 62 K 50/PPSH 41 BIẾN CHẾ CỦA TRUNG CỘNG  
RED CHINA 7.62 MM SUBMACHINE GUN TYPE K 50 PPSH 41 MODIFIED



SO SÁNH TIỂU-LIÊN K.50/PPSH 41 CỦA TRUNG-CỘNG VỚI TIỂU-LIÊN CÙNG LOẠI BIẾN CHẾ.

<u>ĐẶC TÍNH</u>	<u>SÚNG BIẾN CHẾ</u>	<u>SÚNG K.50/PPSH.41</u>
- Nòng cố	- 7,ly 62	- 7,ly 62
- Băng đạn	- Lắp được cả 2 loại băng đạn tròn và cong dài	- Có 2 loại: 1/- Loại tròn chứa 71 viên 2/- Loại cong dài 35 viên.
- Trọng-lượng (không băng)	- 3 Kg 900	- 4 Kg 200
- Trọng-lượng (có băng đạn loại cong dài)	- 4 Kg 490	
- Cơ-hành	- Cơ-bám giạt hậu.	- Cơ-bám giạt hậu.
- Giải nhiệt	- Bơi không khí và ống bạo nòng	- Bơi không khí và ống bạo nòng
- Nhịp độ tác-xạ	- Từ 700 đến 750 viên/phút	- Từ 700 đến 900 viên/phút.
- Cán lên đạn	- Bên phải	- Bên phải
- Kim hỏa	- Nằm trong cơ-bám	- Nằm trong cơ-bám
- An toàn	- Bơi cơ-bám	- Bơi cơ-bám
- Xạ-tĩnh	- Tự-dộng và bán tự-dộng	- Tự-dộng và bán tự-dộng.
- Sơ-tốc	- Khoảng 510 th/giây	- Khoảng 510 th/giây
- Bộ phận ngắm	- Đầu ruồi có sắt che, điều chỉnh được.	- Đầu ruồi có sắt che.
	- Lỗ chiếu-môn hình chữ L (bật lên bật xuống được)	- Lỗ chiếu-môn hình chữ L (bật lên bật xuống được)
- Chiều dài (không băng sắt)	- 55 cm 88	- 64 cm 20
- Chiều dài (có băng sắt)	- 74 cm 93	-

M Ó - T Ả

SÚNG BIẾN-CHẾ

- a/ Ống bạo nòng súng ngắn, đầu được uốn quặp và có chốt ở đầu vịn ủng chung với một khoen móc giằng súng, mục-dịch để ngăn ngừa nòng súng khời đi-dộng trong khi bắn.
- b/ Đầu ruồi có sắt che, có thể điều-chỉnh được, đã gắn liền với nòng súng.
- c/ Băng súng bằng gỗ loại tiểu-liên Trung-Cộng và Nga-ô, K.50/PPSH 41 được tháo bỏ đi và thay thế bởi một bộ kết-hợp cơ-bám, bộ phận này được gắn liền gần nơi phía sau rãnh nạp đạn, đồng thời cũng là nơi tiếp nạp bộ máy cò, có bắt thêm tay cầm.

SÚNG K.50/PPSH 41

- a/ Ống bạo nòng súng kéo dài đến đầu nòng
- b/ Đầu ruồi có sắt che gắn trên ống bạo nòng
- c/ Băng súng bằng gỗ.

## COMPARISON OF THE CHICOM SUBMACHINE GUN K.50/PPSH41 WITH MODIFIED SMG K.50

23

d/- Đỉnh sau bộ máy có có miếng sắt, dẹp được đánh thẳng, hàn dính vào đó một ốc rỗng dùng để ráp tay cầm.

e/- Tay cầm bằng gỗ được ráp gắn phía sau của gạt che cò, tay cầm này nhận thấy giống như loại tay cầm của Súng trường xung kích AK.47 của Nga-sô cỡ 7,62 ly, cùng loại với súng trường kiểu 56 cỡ 7,62 ly của Trung-Cộng chế-tạo ráp theo kiểu Nga.

Ngoài ra, ở đế tay cầm có một số 5 trong vòng tròn và số 283 ở phía trên, về bên trái của tay cầm.

f/- Băng súng kéo ra kéo vào của Súng Tiểu-liên MAT 49 Pháp; kẻ ca ông lắp băng súng này. Băng súng nói trên có thể thay đổi lẫn nhau cho hai loại súng MAT 49 và súng mô tả trên.

g/- Băng đạn chứa 35 viên cho loại súng này đều giống như băng đạn Tiểu-liên Trung-Cộng và Nga-sô K.50/PPSH.41

d/- Miếng sắt dẹp hình cong, gắn theo chiều cong của băng súng.

e/- Không có tay cầm.

f/- Băng súng bằng gỗ.

g/- Cùng một loại.

<u>CHARACTERISTICS</u>	<u>MODIFIED SMG</u>	<u>K.50/PPSH 41 SMG</u>
Caliber	7.62mm	7.62mm
Magazine/Capacity	Either a drum or box magazine may be used.	2 types : 1/Drum 71 rounds 2/curved box/35 rounds
Weight w/o magazine	3.900 kg/8.4 pounds	4.200 kg/9.3 pounds
Weight with curved box	4.490 kg/10.6 pounds	
Operation	Blowback	Blowback
Cooling system	By air and barrel jacket	By air and barrel jacket
Cyclic rate of fire	700-750 rpm	700-900 rpm
Operating handle	On the right side	On the right side
Firing pin	In the bolt	In the bolt
Safety	By the bolt	By the bolt
Firing Characteristics	Full and semi-automatic	Full and semi-automatic
Muzzle velocity	Approx 510 mps/1640 fps	Approx 510 mps/1640 fps
Sights	Hooded front sight, adjustable Rear sight, L shape, folding	Hooded front sight Rear sight, L shape, folding
Length with metal stock	74.93cm/29.5 inches	84.20cm/31 inches (Approx)
Length w/o metal stock	55.88cm/22 inches	

DESCRIPTION

<u>MODIFIED SMG</u>	<u>K.50/PPSH 41 SMG</u>
a/- Barrel jacket shortened, crimped and fitted with a sling swivel to keep the barrel in place when firing.	a/- The barrel jacket extends beyond the muzzle.
b/- Hooded front sight (adjustable) fitted directly on the barrel.	b/- Hooded front sight fitted directly on the barrel jacket.
c/- Original wooden stock of ChiCom and Russian K50,SMG/PPSH 41 removed and a metal receiver extension welded to the rear of the receiver so as to accept the trigger housing and added pistol grip.	c/- Wooden stock

1/- At the rear of the trigger housing group is a straight and thin piece of metal with a screw for attachment of the pistol grip.

e/- The wooden pistol grip is fitted at the rear of the trigger guard and is identical to that of the Russian 7.62mm Assault Rifle. Model AH.47 and ChiCom 7.62mm Rifle, Model 56 are patterned after the Russian Rifle.

In addition, a figure 5 is inscribed in a circle, on the butt of the pistol grip and figure 283 on the left side, at the upper part of the pistol grip.

f/- The sliding shoulder stock and tube of the French MAT 49 SMG are added. The sliding shoulder stock of this modified SMG can be exchanged with that of the MAT 49 Submachine gun.

g/- The 35 round magazine of this weapon is identical to that of the Russian and ChiCom K.50/PPSH.41.

d/- No pistol grip

f/- Wooden stock.

g/- Same type.

SÚNG TRUNG-LIÊN 7 LY 62 DPM DEGTYAREV KIỂU 53

CỬA TRUNG-CÔNG

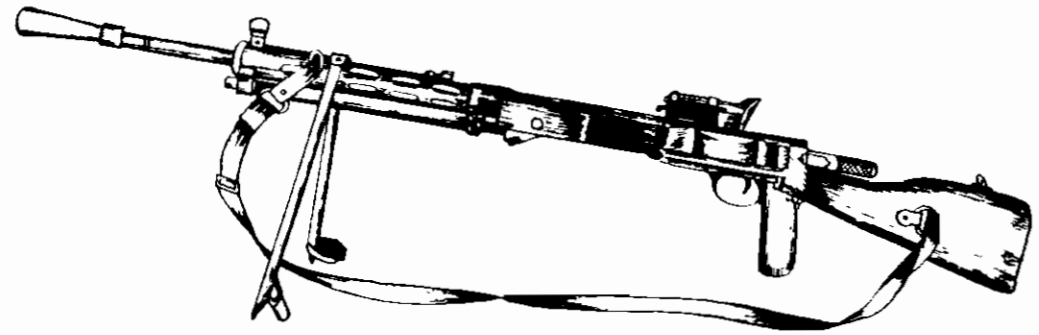
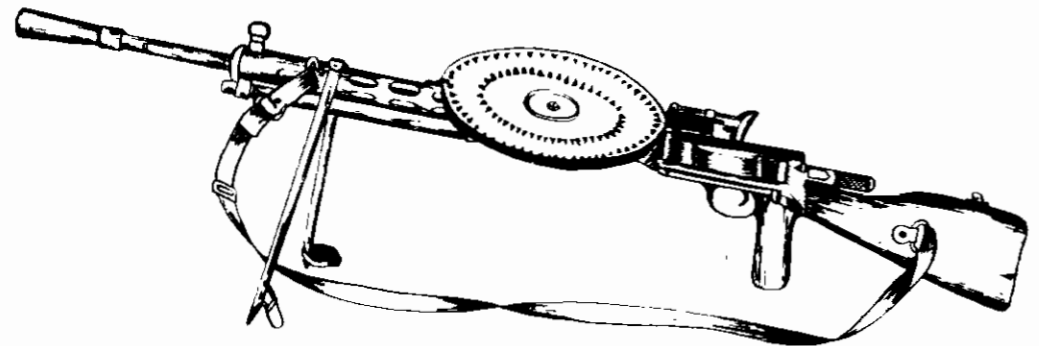
Trung-liên 7 ly 62 DPM "DEGTYAREV" kiểu 53 của Trung-Công, là loại vũ-khí chế-tạo rập theo mẫu Trung-liên 7 ly 62 DPM "DEGTYAREV" của Nga có ghi nhận hiệu bằng chủ Tàu trên mặt hộp cơ-ban kiểu 53 五三式 (NGŨ TAM THỊCH). Là loại vũ-khí hiện đại từ khẩu Trung-liên 7 ly 62 DP "DEGTYAREV" bằng cách gắn thêm một tay cầm bằng gỗ và bộ-phần lo-gơ hoàn lực được đặt trong một ống gắn liền với phía sau hộp cơ-ban.

Trung-liên 7 ly 62 DPM là loại vũ-khí chuyên vận bằng hơi, giải-nhiệt bằng khí trời, bắn tự động vũ-khí được dùng làm căn-bản hỏa-lực cho một Tiểu-đội Bộ-binh và chỉ bắn được tự-động mà thôi. Tuy-nhiên ống hơi có 3 lỗ hóa môn kích thước khác nhau để cho xạ-tốc có thể thay đổi. Trung-liên DPM được bắn từ vị-thế cơ-ban mở. Cơ-ban và hộp cơ-ban được chế-tạo để kim hỏa không thể kích bật chêm hỏa của vỏ đạn cho đến khi cơ-ban được khóa lại.

Vũ-khí trên được sử-dùng với hộp đạn hình tròn gắn trên hộp cơ-ban, chân 2 cang gắn liền vào súng. Ngoài ra, vũ-khí còn có một khóa an-toàn ở bên phải hộp cơ-ban và ở đằng trước cò súng.

ĐẶC TÍNH

Cỡ	7,62 ly
Cơ-ban	bằng hơi và bắn tự-động
Hộp đạn	Hình tròn, dung 47 viên
Nhịp bắn lý-thuyết	600 viên/phút
Chiều dài toàn thể	1,27 thước
Trọng lượng với băng đạn đầy	12Kg 200
Số-tốc	1058 thước/giây
Tầm thực tế	805 thước



CHICOM 7.62MM DPM DEGTYAREV AUTOMATIC RIFLE

TYPE 53

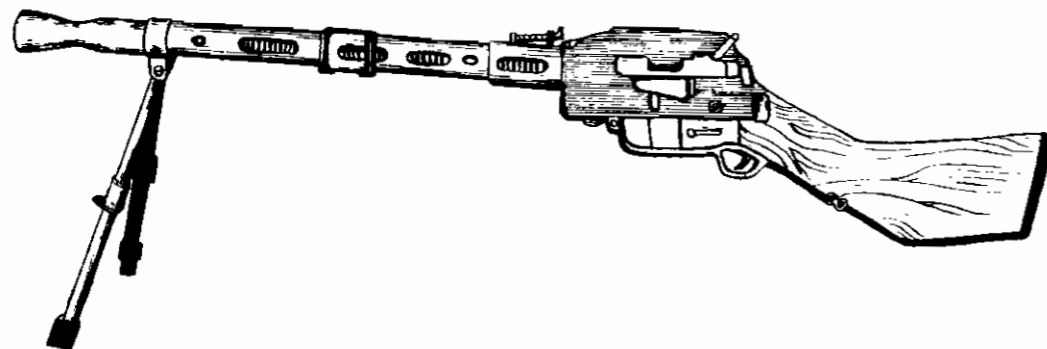
This weapon is a direct copy of the Russian DPM "DEGTYAREV". It bears the following mark in Chinese letters: Type 53 五三式 (NGŨ TAM THỊCH) on its bolt. This automatic rifle is modified from the 7.62mm DP DEGTYAREV AR by adding a wooden stock and the recoil spring placed in a tube attached to the back of the receiver.

The 7.62 DPM Automatic Rifle is gas operated and air cooled automatic weapon. It is issued as the basic fire power for an infantry squad and fires automatically only. Its gas cylinder, however, has 3 different size gas ports which permits changing of the rate of fire. The DPM Automatic Rifle operates from an open bolt. The bolt and receiver are designed in such a manner that the firing pin cannot strike the percussion cap of the cartridge until the bolt is locked.

The above weapon is used with a drum magazine placed on the receiver. A bipod is fixed to the barrel. In addition, this weapon has a safety on the right side of the receiver and in front of the trigger

CHARACTERISTICS

Caliber	7.62mm
Operation	Gas operated & automatic firing
Magazine capacity	Round & containing 47 rounds
Theoretical rate of fire	600 rpm
Overall length	1.27 meter / 50 inches
Weight with fully loaded magazine	12.200kg/27 pounds (Approx)
Muzzle velocity	1.058/m/second/2,760 fps
Effective range	805 meters/880 yards



## TRUNG - LIÊN MADSEN CỎ 7 LY 92

## CỬA DAN-MẠCH VÀ TRUNG-CÔNG

Súng Trung-liên MADSEN cỏ 7 ly 92 do Trung-Công chế-tạo rập theo kiểu súng MADSEN của Đan-Mạch. Súng lệ loại cơ-hành giát-hậu, giát-nhiệt bằng khí trời và có thể vừa bắn tự-dộng và bắn tự-dộng.

Súng có một cần thay đổi nhịp tác-xạ nằm bên trái hộp cơ-bộ, ở phía trước và trên sắt che ốc; cần này có thể sử-dụng được 3 phương-vị: phương-vị an-toàn (trên) bắn bắn tự-dộng (giữa) và bắn tự-dộng (dưới).

ĐẶC - TÍNH

Cỡ nòng	7 ly 92
Sq-tốc	770 th/giây
Tầm hiệu-lực	750 thước
Chiều dài toàn thể	1.143 ly
Trọng lượng với băng đạn rỗng	12kg260
Nhịp độ tác-xạ	450 viên/phút
Cách nạp đạn	Băng đạn 30 v.

## DANISH AND CHICOM 7.92MM MADSEN

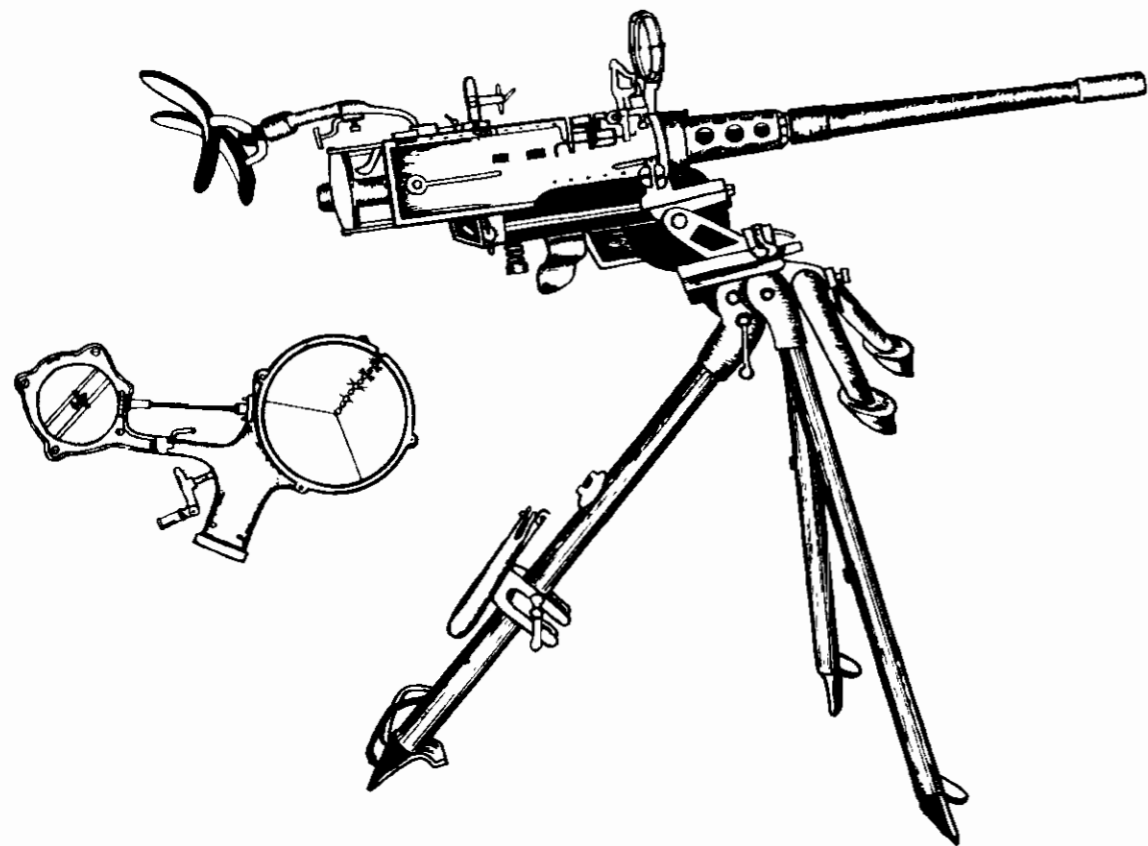
## AUTOMATIC RIFLE

This weapon, manufactured by the ChiCom is a direct copy of the Danish MADSEN weapon. Recoil operated, air cooled, both automatic and semi-automatic weapon.

It has a lever on the left of the receiver in front and above the trigger housing to change the rate of fire. This lever can be adjusted to three different positions: safe position (upper), semi-automatic position (middle) and automatic position (lower).

CHARACTERISTICS

Caliber	7.92mm
Muzzle velocity	770mps/2500 fps
Effective range	750 m/800 yards(Approx)
Overall length	1,143mm/40inches(Approx)
Weight (w/empty mag.)	12.260 kg/25 pounds
Rate of fire	450 rpm
Magazine capacity	30 round magazine



ĐẠI-LIÊN 12 LY 7 HOA-KỲ BIẾN CẢI THÀNH ĐẠI - LIÊN  
PHÒNG KHÔNG CỦA VIỆT-CỘNG

Nguyên là súng Đại-liên cỡ 50 (12,7 ly) của Hoa-Kỳ được Việt-Cộng biến cải thành Đại-liên phòng không bằng cách gắn trên bộ gian chân 3 càng kiểu chân súng Đại-liên 12,7 ly DShK của Nga-3ô và được trang bị một bộ máy ngắm phi-cơ. Bộ gian chân súng này có thể sử dụng trong hai thể bắn:

- 1/- Thể bắn phi-cơ
- 2/- Thể bắn yểm-trợ Bộ-Binh

Ở thể bắn phi-cơ: Chân 3 càng được dựng đứng.

Ở thể bắn yểm-trợ Bộ-Binh: Chân 3 càng được gấp lại về phía sau và chân 2 càng đã lắp sẵn từ trước được dùng cho vị-thể bắn này.

ĐẶC - TÍNH

Cỡ nòng	12,7 ly
Trọng lượng	38 Kg
Sơ tốc	870 - 980 th/giây

Tầm tối đa	6.500 thước
Tầm hiệu lực	800 - 1.200 thước
Tầm căng thẳng đạn đạo	2.000 thước

VC AA MACHINE GUN MODIFIED FROM THE U.S. 12.7MM  
(U.S. CALIBER 50) MG

This weapon, a standard U.S. Caliber 50 MG (12.7mm) is modified by the VC into an AA Machine Gun by mounting on a tripod of the Russian 12.7mm DShK Heavy Machine Gun mount. It is equipped with an AA rear sight (Ring Type). The tripod can be used for two firing positions:

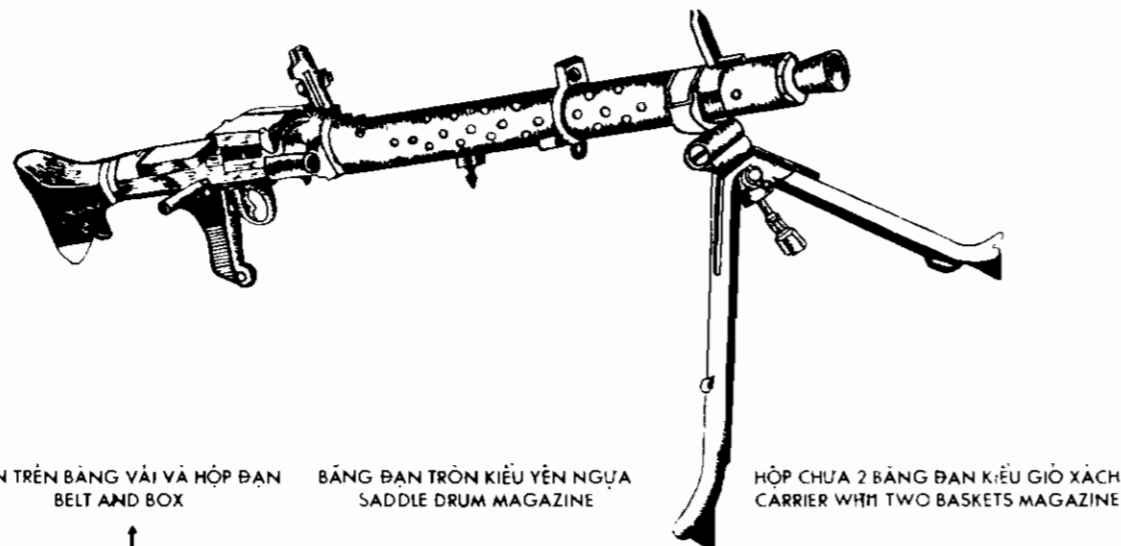
- 1/- AA fire
- 2/- Infantry support fire

For AA fire, the tripod is erected

For ground fire, the tripod is folded and bipod assembly is used.

CHARACTERISTICS

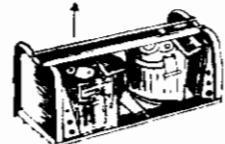
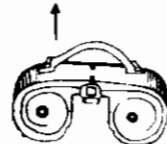
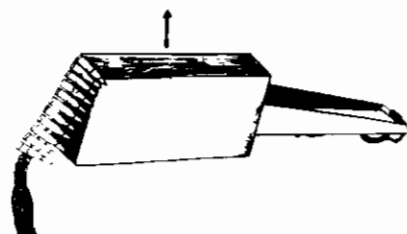
Caliber	12.7mm/US Caliber 50
Weight	38 Kg/83.5 pounds
Muzzle velocity	870 - 980 mps/2400 to 2600 fps
Maximum range	6,500 m/6,600 yds.
Effective range	800-1,200 m/1,080 yds.
Length of flat trajectory	2,000 m/2,166 yards.



BĂNG TRÊN BĂNG VẢI VÀ HỘP ĐẠN  
BELT AND BOX

BĂNG ĐẠN TRÒN KIỂU YÊN NGỰA  
SADDLE DRUM MAGAZINE

HỘP CHỨA 2 BĂNG ĐẠN KIỂU GIỎ XÁCH  
CARRIER WITH TWO BASKETS MAGAZINE



BĂNG ĐẠN KIỂU GIỎ XÁCH  
BASKET MAGAZINE

ĐẠI-LIÊN 7,92 LY KIỂU MG.34 CỦA ĐÔNG - ĐỨC

Trong mấy năm đầu của Đệ Nhị Thế-Chiến súng này được dùng như súng Đại-liên cỡ đạn súng trường. Về sau vũ-khí được thay thế bởi súng kiểu MG.42, tối-tân hơn. Súng có thể dùng như súng Đại-liên bắn trên chân 2 cang, hoặc như Đại-liên bắn trên giàn chân 3 cang. Vũ khí cũng có thể đặt trên xe thiết-giap hoặc cào xe bọc sắt khác. Súng nạp đạn bằng băng đạn tròn chứa 50 viên, hoặc băng loại băng đạn tròn đôi như kiểu yên ngựa chứa 75 viên, hoặc băng băng đạn giấy 50 viên không tháo rời được, thường được nối liền thành một giấy đạn dài chứa 250 viên. Súng MG.34 được trang bị loại nòng thay nhanh được, có hai cỡ súng để chọn lửa nhịp bắn. Hiện nay loại súng này vẫn còn được dùng trang-bị cho lực-lượng dân-quân, cảnh-binh và cào đơn-vị an-ninh Đông-Đức.

ĐẶC - TÍNH

Cỡ	7,92 ly
Loại đạn	7,92 thông-dùng
Cách vận-chuyển	Giật hậu/ngắn
Cách nạp đạn	Băng đạn tròn 50 viên
Nhịp độ tác-xạ	100-120 viên/phút
Tầm thực-tế	550 thước
Sự-tổ	770 th/giây
Đại toán thế	1,225 thước
Bộ phận ngắm	kiểu lưỡi dao bẻ gấp
- Đầu rui	kiểu thẳng đứng với núm
- Lỗ chiếu môn	điều-chỉnh hình chữ V
Trọng lượng	10kg986 (không chân)
	34kg594 (có chân 3 cang)

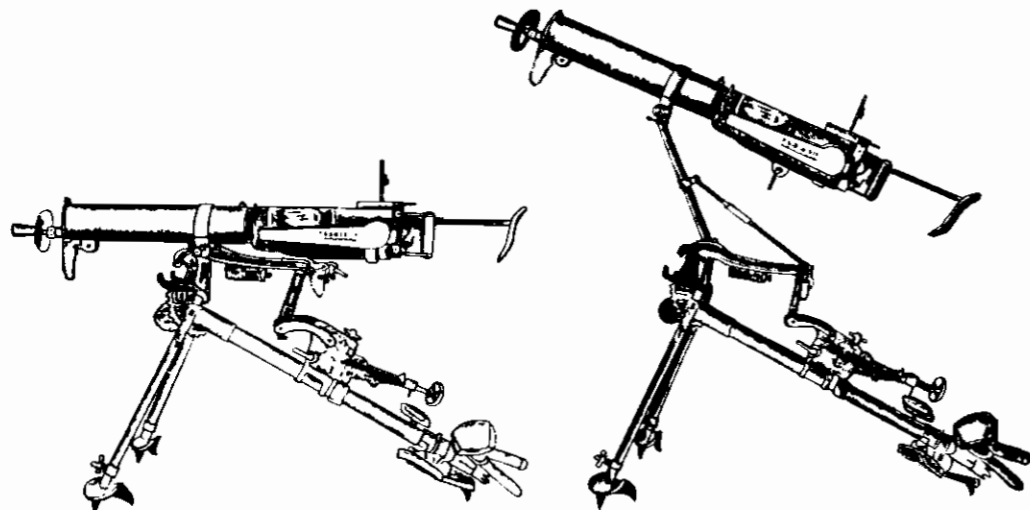
EAST GERMAN 7.92MM MACHINE GUN MODEL MG 34

During the first years of World War II, this weapon was used as a Heavy Machine Gun with rifle ammunition. Later, this weapon was replaced by a more modern weapon; the MG 42. It can be used as a HMG mounted on tripod or bipod. This weapon may also be mounted on a tank and/or armored personnel carrier. Ammunition feeding is either by a round 50 cartridge-ammunition magazine; or by a round 75 cartridge magazine in the shape of a saddle, or by 5 - 50 round metallic link belts (total of 250 rounds). The MG 34 is equipped with an instantaneous removable barrel, two triggers designed for two different rates of fire. At present this type of weapon is still used to equip the East German Militia Forces and the Security Units.

CHARACTERISTICS

Caliber	7.92mm
Ammunition	Common 7.92 mm ammunition
Operation	Recoil/short
Feeding	Round 50 cartridge magazine
Cyclic rate of fire	100 - 120 rpm
Effective range	550 m/596 yards (Approx)
Muzzle velocity	770 mps/2,500 fps (Approx)
Total length	1,225 m/48 inches
Front sight	Folding knife blade
Rear sight	Perpendicular type with a V form adjusting knob
Weight	10,986 kg(w/o mount) 24 pounds
	34,594 kg(w/tripod) 76-1/2 lbs.

## ĐẠI LIÊN MAXIM 08 KIỂU 24 CỖ 7 LY 92 CỦA TRUNG - CỘNG



SÚNG Ở VỊ THẾ BẮN YẾM TRỢ BỘ BINH  
MACHINE GUN IN GROUND FIRING POSITION

SÚNG Ở VỊ THẾ CHỐNG PHI CƠ  
MACHINE GUN IN ANTI-AIR CRAFT FIRING POSITION

ĐẠI-LIÊN MAXIM 08 KIỂU 24 CỖ 7,92 LY

CỦA TRUNG-CỘNG

Súng Đại-liên MAXIM 08 kiểu 24 cỡ 7,92 ly giải nhiệt bằng nước; súng này được Trung-Cộng chế tạo hoàn-toàn giống súng Đại-liên 08 của Đức .

Súng vận chuyển nhờ sức giạt-hậu mà nếu để tu nó súng sẽ không đủ sức vận-chuyển ; Để tránh khuyết điểm đó, một bộ-phần được lắp vào đầu nòng súng và sau khi đầu đạn đã ra khỏi nòng, hơi thoát tác-dộng như bộ phận trôn giúp cơ-phần giạt-hậu chuyển-vận.

Súng chỉ có thể bắn tự-dộng và có hai thể bắn :

- Thể bắn yếm-trợ bộ-binh.
- Thể bắn chống phi-cơ

Ở thể bắn yếm-trợ Bộ-binh : Bộ giàn chân được điều-chỉnh ở chiều ngang bởi một núm vặn.

Ở thể bắn phi-cơ : Được ráp trên cây chống Bộ giàn chân được nâng cao bởi một núm vặn.

### ĐẶC - TÍNH

Cỡ	7,92 ly
Số tốc	833 th/giây
Viên xạ hữu-dùng	549 thước
Súng dài toàn thể	1,207 thước
Trọng lượng (không kể chân)	18kg/370
Nhịp vận tới 1a	500 viên/phút

CHICOM 7.92 MM 08 MAXIM HEAVY MACHINE GUN

MODEL 24 .

This weapon is a CHICOM copy of the German Maxim Model 08 Heavy Machine Gun. It is water cooled and recoil operated. It is provided with a circular muzzle brake around the barrel. Escaping gasses strike this brake (booster) and aid the recoil of the weapon.

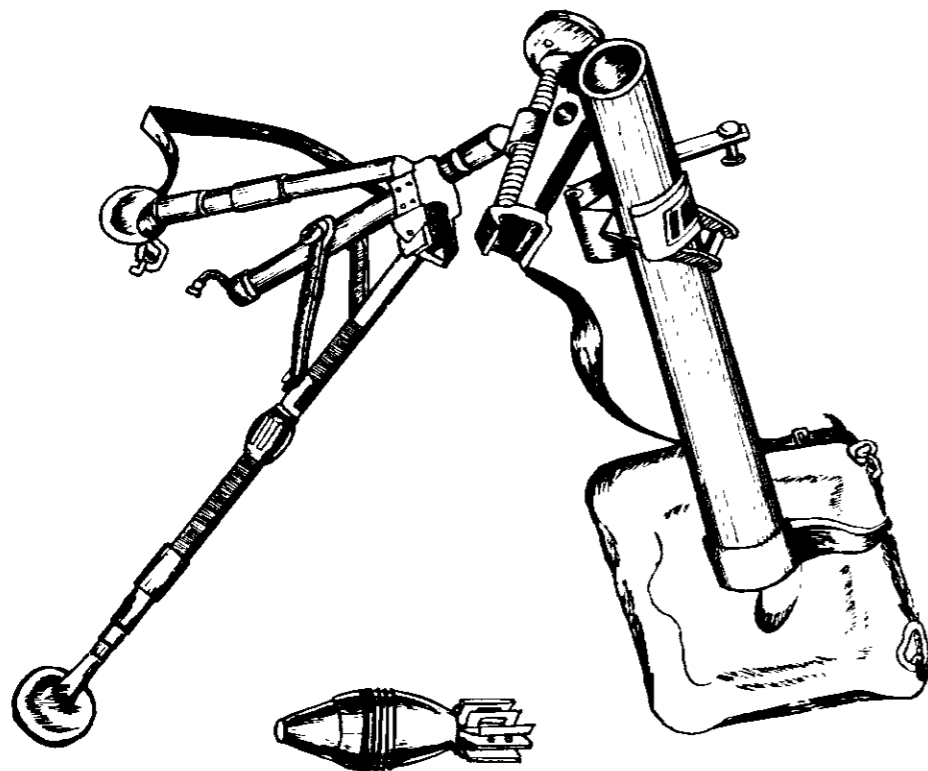
It can only be fired automatically and is used for Anti-aircraft and ground fire in support of the infantry.

For ground fire : The tripod is laterally adjusted by a knob.

For AA fire : Mounted on trail legs and is vertically adjusted by a knob.

### CHARACTERISTICS

Caliber	7.92mm
Muzzle velocity	833 mps/2,680 fps
Effective range	549 m/1,100 yards
Total length	1,207 m/43.6 inches
Weight(w/o tripod)	18.370 kg/52.47 pounds
Maximum rate of fire	500 rpm



SÚNG BÍCH-KÍCH-PHÁO 60 LY TRUNG-CÔNG

Bích-kích-pháo 60 ly Trung-Công chế-tạo rập theo kiểu bích-kích-pháo 60 ly Hoa-Kỳ, do đó hầu hết các bộ-phần đều có thể thay thế lẫn cho nhau. Chỉ có một điểm khác nhau là súng Trung-Công có hai móng bằng đồng gắn dưới chân 2 cang, còn của Hoa-Kỳ thì hai móng đó bằng thép.

ĐẶC - TÍNH

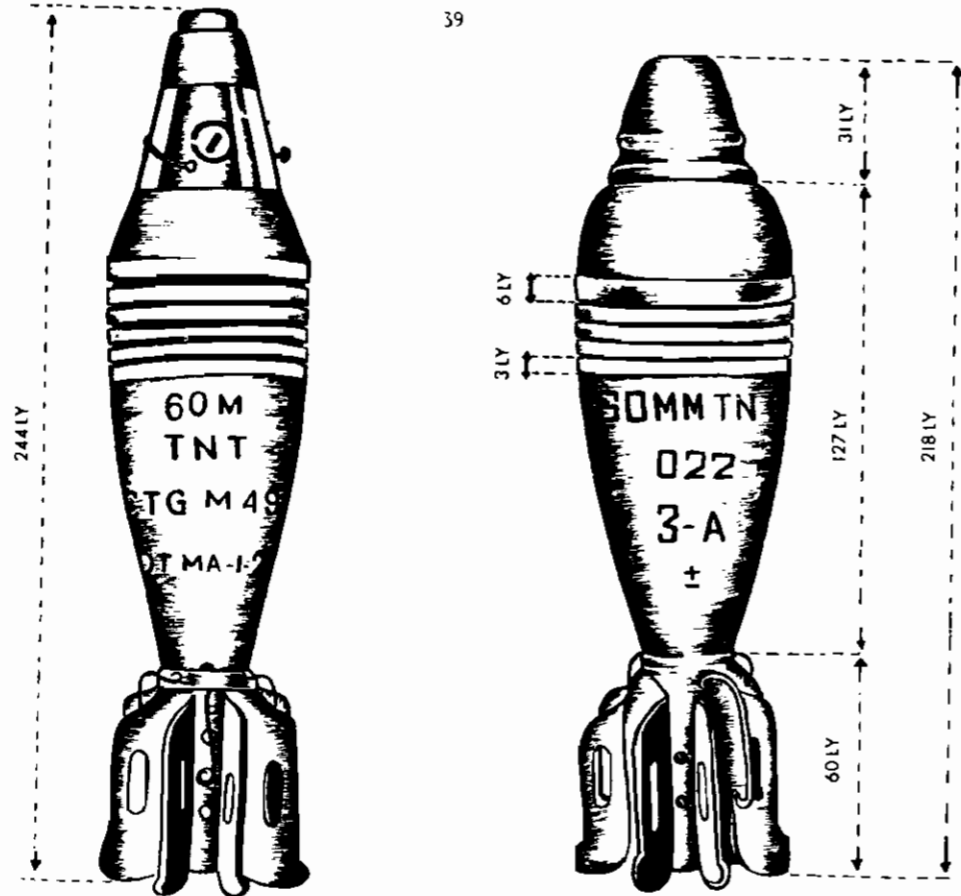
Cỡ	60 ly
Tầm bắn tối đa	1.500 thước
Bề dài toàn thể	686 ly
Trọng lượng	20kg/430
Nhịp độ tác-tạ	15 - 20 viên/phút
Chiều hướng	14 độ
Giới hạn chiều oao	/ 40 độ - / 85 độ.

CHICOM 60 MM MORTAR

This Mortar is a direct copy of the U.S. 60mm Mortar, thus almost all components are interchangeable. The only difference being the two nails under the ChiCom mortar mount, made of brass while those of U.S. mortar mount are made of steel.

CHARACTERISTICS

Caliber	60mm
Maximum range	1,500 meters/1,566 yards
Overall length	686mm/27 inches
Weight	20.430kg/44.5 pounds
Rate of fire	15 - 20 rpm
Direction	14 degrees
Maximum elevation	+ 40 degrees - 85 degrees



ĐẠN BKP 60 LY NỔ MẠNH HOA KỸ  
US 60 MM H.E MORTAR SHELL

ĐẠN BKP NỔ MẠNH TRUNG CỘNG  
CHICOM 60 MM H.E MORTAR SHELL

ĐẠN B.K.P.60 LY NỔ MẠNH CỦA TRUNG-CỘNG VỚI HOÀ-  
PHẠO M.P.82 BẰNG NHỰA (SỐ SẴNH ĐẠN NÀY VỚI ĐẠN  
B.K.P.60 LY NỔ MẠNH CỦA HOA-KỸ

Đạn Bích-kích-Pháo 60 ly nổ mạnh của Trung-  
Cộng là loại đạn đúc bằng gang pha sắt, gắn với  
hoạ-pháo M.P.82 bằng nhựa, thuốc nhồi là loại TNT  
màu vàng.

Đạn này Việt Cộng đã mạo hoá theo nhãn hiệu  
của loại đạn Hoa-kỹ, tuy nhiên, có những đặc-  
điểm sau đây có thể nhận dạng.

Bộ cánh ổn-dịnh : Gồm có 8 cánh y như bộ  
cánh ổn-dịnh của đạn Hoa-kỹ, nhưng của Trung-  
Cộng phần cuối cánh thì thẳng góc khác với cánh  
của Hoa-Kỹ phần cuối cánh là góc tròn.

Vành đai kiểm-hoại : Gồm có 5 đai, một lớn  
và bốn nhỏ đồng đều nhau. (Đai lớn ở trên đầu  
và 4 đai nhỏ ở dưới) còn vành đai đạn của Hoa-  
kỹ có 5 đai trên dưới cùng cỡ nhau.

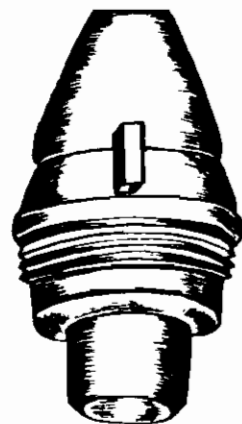
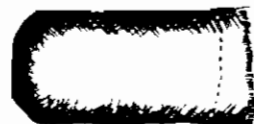
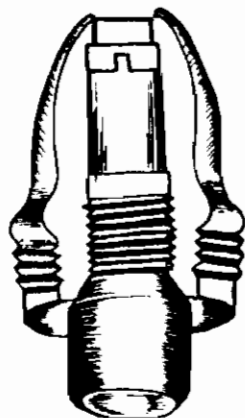
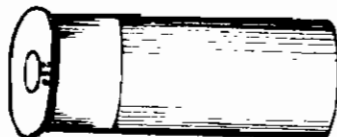
CHICOM 60MM MORTAR HIGH EXPLOSIVE SHELL, WITH M.P.  
82 PLASTIC FUZE (SIMILAR TO THE U.S. 60 MM MORTAR  
LOW EXPLOSIVE SHELL)

The ChiCom 60mm Mortar H.E. shell made of iron  
and cast iron alloy, is provided with a M.P.82 plastic  
fuse. It is charged with yellow TNT.

This type of ammunition manufactured by the VC  
bears the false mark of US. ammunition, still it can  
be identified by the following features :

Stabilizing Fin : It is composed of 8 fins like  
that of the U.S. shell, however its fin end is angular,  
instead of round, as that of the U.S. shell.

Gas Check Rings : It is composed of 5 Gas Check  
Rings, 1 large Ring in the upper part and 4 small  
rings in the lower part while the US shell has 5 Gas  
Check Rings of the same size .

HỎA PHÁO  
FUZETHUỐC BỒI  
INCREMENTĐẠN TỎNG  
IGNITION CARTRIDGE

## HỎA-PHÁO BẰNG NHỰA KIỂU MP.82 NGA-SÔ, ĐẠN TỎNG

## THUỐC BỒI

A.- Hỏa-pháo bằng nhựa : Hỏa-pháo được chế tạo rập theo kiểu hỏa-pháo MP.82 của Nga-sô, đúc bằng nhựa nguyên khối màu đỏ xậm, thành-phần gồm có :

Kim hỏa  
Lò-sơ kim hỏa  
Đĩa ngăn giữ kim hỏa  
Hột nổ  
Ngòi nổ mồi

Đo ở các bộ-phần trên ta biết rằng hỏa-pháo là loại hỏa-pháo chạm nổ khác biệt với hỏa-pháo của Nga-sô là loại chuyên-hành bằng lực quán-tính. Tuy vậy phần kích thước của hỏa-pháo này đo được dưới đây rất giống như kích thước của hỏa-pháo Nga-sô.

Chiều dài	69 ly
Đường kính hỏa-pháo	40 ly
Đường kính phần răng ốc	35 ly

Ngoài ra còn một điểm nữa là gần cuối đường răng ốc, ở mặt ngoài hỏa-pháo bị mài nhẵn bởi xoa nơi có mang chữ MP.82 nguyên-thủy của Nga-sô. Loại hỏa-pháo trên dùng lắp vào đầu đạn B.K.P. 82 bắn với súng B.K.P. 82 ly kiểu 1937, 1941 và 1943 của Nga-sô. Bính-kích-pháo và đạn-dược trên đều có chế-tạo tại Trung-cộng và Tiệp-khắc rập theo kiểu của Nga-sô và đã trang-bị cho Công-san Bắc Cao-ly cũng như Công-san Bắc-việt.

Cơ-hành : Khi hỏa-pháo chạm vào mục-tiêu, phần đầu của hỏa-pháo bị vỡ. Kim hỏa chuyên-vận bởi sự dồn ép lò-sơ kim hỏa, đẩy kim hỏa xuyên thủng qua đĩa ngăn giữ kim hỏa để chạm nổ hột nổ và làm nổ ngòi nổ mồi.

## SOVIET PLASTIC FUZE MODEL MP.82 PROPELLING

## CARTRIDGE, BOOSTER.

A.- Plastic Fuze : This fuze is a direct copy of the Soviet Fuze, MP.82. It is made of plastic, and is dark red. Following are its components :

Firing pin  
Firing pin spring  
Firing pin locking disk  
Initiator  
Percussion primer

The above components show that the fuze is an impact detonating (point detonating) fuze and differs from the Soviet fuze, which is a Set-back type. However, the size of the fuze shown is similar to that of the Russian fuze.

Length :	69mm/2-1/2 inches
Diameter of the fuze :	40mm/1-3/4 inches
Diameter of the threading part :	35mm/1-1/2 inch.

In addition the original markings, MP. 82 in Russian near the end of the threads is removed. The fuze is threaded to the 82mm Mortar shell for firing. This mortar round and cartridge is manufactured by Red China and Czechoslovakia and is a direct copy of Soviet Mortar and cartridges. They have been used to equip the North Korean and DRV Armies.

Operation : When the fuze hits the target, the top of the fuze is crushed. The firing pin pressed by its spring, perforates the firing pin locking the disk to detonate the initiator which in turn explodes the percussion primer.

3.- Dạn tổng : Là một loại đạn súng săn cỡ 17 ly đường kính, dài 47 ly gồm có hai phần : Vỏ đạn và đế đạn. Vỏ đạn làm bằng giấy cứng sơn đỏ và có một lớp sáp mỏng bọc ngoài. Đế đạn làm bằng đồng và được bọc từ đế lên đến cổ đạn 13 ly.

Ngoài ra ở đầu viên đạn có ghi số 52 và ở dưới đế cũng có ghi chữ số 4.062. Dạn tổng chế tạo bởi một phần hóa được và phần khác là hóa chất (có thể là Nitrocellulose Glycerin) gồm có nhiều mảnh thuốc nhỏ cỡ 0,31 x 0,02.

C.- Thuốc bột : Được chế tạo cùng hóa chất như đạn tổng, gồm có nhiều mảnh thuốc nhỏ cỡ 0,02 x 0,02 được bọc trong một bao vải mỏng hình chữ nhật dài 22 ly, ngang 12 ly.

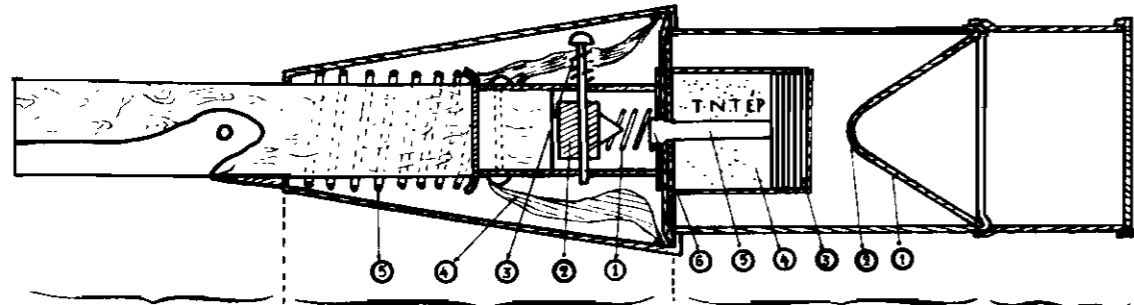
B.- Propelling cartridge : Is similar to a shotgun shell, 17mm Caliber. Its length is 47mm and composed of two parts, the body and the cartridge case. The body is made of strong cardboard painted red and has a thin coat of wax. The cartridge is made of brass (13mm thick).

In addition, the cartridge is marked with a figure 52 on its base. The ignition propellant is doubled based and consists of (Nitrocellulose and Nitro Glycerin) which are formed in 0.31 x 0.02 sized pellets.

C.- Charge : Same product as the propelling cartridge. The charge is composed of a cloth bag containing approximately 1 Oz of propellant 22mm x 12mm in size.

## Lựu - đạn dù nội - hóa C.C.X. của V.C.

SƠ BỐ Lựu ĐẠN Ở VỊ TRÍ ĐỨNG YÊN  
SKETCH OF GRENADE IN REST POSITION



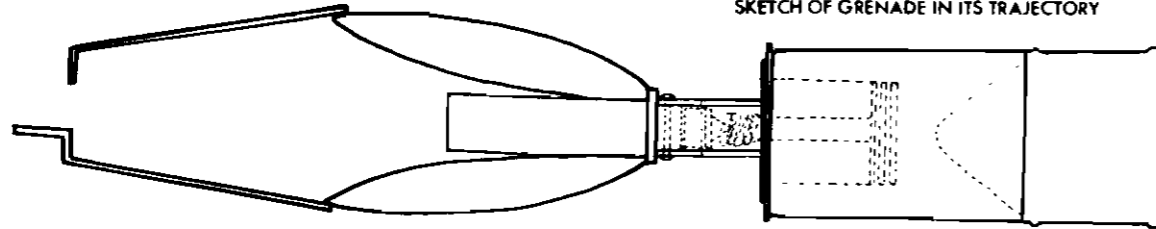
PHẦN ĐUÔI  
REAR SECTION OF HANDLE

PHẦN CÔN DÙ  
SLIDING CONICAL SLEEVE

PHẦN THÂN  
BODY

PHẦN CHÓP  
WARHEAD

SƠ BỐ Lựu ĐẠN LÚC ĐANG CHUYỂN ĐỘNG  
SKETCH OF GRENADE IN ITS TRAJECTORY



## Lựu ĐẠN DÙ NỘI HÓA CHỐNG CHIẾN XA CỦA VIỆT-CỘNG.

Lựu đạn được chế tạo theo nguyên tắc làm dài chừng 35 phần, nặng khoảng 500 - 700 Gr và được chia ra làm 4 phần :

1.- **PHẦN CHÓP**: Là một khối hình trụ bằng tôn dày chừng 7/10 ly, bên trong rỗng đục-dịch để tạo một luồng xuyên phá tốt nhất. Khối hình trụ này có đường kính chừng 7,5 phần và chiều cao của hình trụ này sẽ tùy thuộc vào một số yếu-tố như:

- góc đầu, côn lõm,
- thuốc nổ T.N.T. v.v..

2.- **PHẦN THÂN**: Là một khối hình trụ bằng tôn bên trong gồm có:

a/- Một côn bằng đồng dày từ 2 đến 3 ly để tạo thành một luồng xuyên phá vào Chiến-xa và Thiết-vận-Xa.

b/- Chỗ đựng thuốc nổ T.N.T. đúc.

c/- Miếng ngăn sóng nổ bằng carton hoặc gỗ dày chừng 1 - 2 phần, nhằm làm cho cao tốc tác-dụng vào mặt côn được đều.

d/- Chỗ đựng bột ép T.N.T. tỷ trọng lớn hơn 1,55 và được đựng làm trạm nổ kích thích, chính nhờ chất bột ép T.N.T. rất rắn này đã tạo cho lựu-đạn một sức công phá rất mạnh.

e/- Một ngòi nổ trong đựng chất Fulminat bạc.

f/- Một hạt nổ đạn Tiểu liên K.50 của Trung-Cộng.

3.- **PHẦN GIỮA LÀ PHẦN CÔN DÙ**: Đó là một khối chóp cut bằng tôn được đục để chèn lò-sơ an-toàn khi lựu-đạn ở vị-trí đứng yên đồng thời được đục làm côn dù (chóp dù) khi lựu-đạn bắt đầu chuyển-động. Bên trong côn dù gồm có:

## VC ANTI-TANK LOCALLY MADE PARACHUTE HAND GRENADE.

This is a shape charge grenade, 35cm/8-3/4 inches in length and from 500 to 700 grams/1-1/2 pounds (Approx) in weight. It is composed of 4 parts:

1.- **HEAD**: The head is cylindrical and made of 7.10mm sheet iron. This cylinder is 7.5cm/ 3 inches (Approx) in diameter and its height depends on the angle of the hollow cone, and the quantity of TNT etc...

2.- **BODY**: The body is a cylinder made of sheet iron and consisting of:

a/- A cone made of brass with a thickness of from 2 to 3 mm. It is so designed to create a penetrating jet against tanks and armored personnel carriers.

b/- T.N.T. housing

c/- One, 1 to 2 mm thick partition of cardboard or wood used to regulate the explosive action against the surface of the cone base.

d/- Cast T.N.T. which has a 1.55 density and is used as the Main Charge. The strong destructive power of the grenade is due to this Cast T.N.T

e/- One detonator containing Silver Fulminat.

f/- One primer of ChiCom K.50 SMG cartridge

3.- **MIDDLE PART IS THE PARACHUTE CONE**: This cone is made of sheet iron. It is used to lock the safety spring when the grenade is in its safety position and is also used as the cone of the parachute when the grenade is thrown. The inside of the cone of the parachute consists of the following parts:

- a/- Lò-sơ an-tạn khi lắp  
 b/- Một kim hoa  
 c/- Một lò-sơ và chốt an-toạn  
 d/- Một bộ phận dù có côn bằng tấm  
 bước 2 bên 2 mảnh vải gắn liền với cán gỗ.  
 e/- Lò sơ bung dù có tác dụng làm bung  
 dù ra.

4.- PHẦN ĐUÔI : Là một cán gỗ để cầm tay, oằn gỗ hình trụ trên có một miếng hãm bộ phận dù bằng tấm có chốt hãm xuyên qua oằn gỗ.

#### OO HÀNH :

Trước khi ném, tay nắm chặt vào cán gỗ và miếng hãm bộ phận dù, rút chốt gắn miếng hãm vào cán gỗ rồi ném.

Khi lựu đạn ném khỏi tay, vì tác dụng của lò-sơ bung dù làm côn dù C bật về phía sau, dù bắt đầu chuyển động mà chốt là côn dù C. Nhờ tác dụng của dù sẽ hướng cho lựu đạn đi ổn định và luôn luôn chệch đích. Đồng thời trong lúc côn dù C chạy về phía sau không còn chặn chốt an-tạn nên lò sơ bung chốt an-toạn ra khỏi lựu đạn để kim-hỏa sẵn sàng chạy đến đập vào hạt nổ.

Khi lựu đạn chệch đích vì tác dụng của lực quán tính kim hỏa chạy tới đập vào hạt nổ và làm lựu đạn nổ lập tức khi chạm vào mục-tiêu.

#### HIỆU NĂNG :

Độ xuyên phá lên tới hơn 100 ly thép.

Nếu lựu đạn trúng xích hoặc trúng vào máy sẽ làm thiết vận xa dứt xích hoặc hỏng máy xe không tiếp tục chạy được nữa.

Nếu xuyên qua buồng chứa người, nhờ tác dụng của luồng xuyên sẽ phá lủng thép. Áp lực và nhiệt độ lúc đó lên rất cao người sẽ bị chết.

Loại lựu đạn này sử-dụng rất dễ-dàng.

- a/- Safety spring  
 b/- Firing pin  
 c/- Safety pin and spring  
 d/- One element of the parachute with a sheet iron is attached to the wooden handle by a piece of cloth at each side  
 e/- Parachute spring used to unfold the parachute.

4.- THE TAIL : Is a cylindrical wooden handle equipped with a parachute lock made of sheet iron and a locking pin laying across the handle.

#### OPERATION :

Before throwing, firmly hold the wooden handle and the parachute lock, then pull out the pin from the handle and throw the grenade.

When thrown, the spring pulls the parachute cone (C) to the rear and the parachute deploys. The parachute will stabilize the direction of the grenade and assure proper impact attitude on the target. At the same time the cone (C) moves rearward and the spring pulls the safety pin out of the grenade and allows the firing pin to strike the detonator.

Upon impact, due to the inertia, the firing pin strikes the detonator and explodes the grenade.

#### EFFECTIVENESS :

Piercing power: up to 100mm of steel.

If the grenade hits the track or the engine of an APC, the APC will be disabled.

If it hits the personnel compartment, the penetrating effect of the jet will cause heat and high pressures and cause casualties aboard.

#### CÁCH THẢO GỖ LỰU-DẠN :

1.- Trong tình trạng chưa ném đi : Cách lấy bộ phận kim hoa lựu đạn rất là không nguy-hiêm gì, vì kim hỏa chỉ đâm vào hạt nổ khi có lực quán tính, mà khi lựu đạn để yên thì lực quán tính không phát sinh ra. Muốn lấy bộ phận kim hoa phải tháo miếng hãm làm bung bộ phận dù, rồi tiếp tục tháo oằn gỗ để lấy kim hoa.

Sau khi lấy kim hỏa xong, tiếp tục lấy hạt nổ và ngòi nổ. Đặc biệt khi lấy ngòi nổ phải thận trọng vì trong đó có Fulminat bạo rất nhạy nổ.

Cần chú ý khi tháo bung bộ phận dù ra không được để cho lựu đạn bị rơi trượt đầu xuống vì như thế sẽ sinh ra lực quán tính làm cho kim hỏa đập vào hạt nổ, và lựu đạn sẽ nổ tức khắc, không có thời gian chạy tránh được. (việc tháo gỡ được đảm nhiệm bởi chuyên viên).

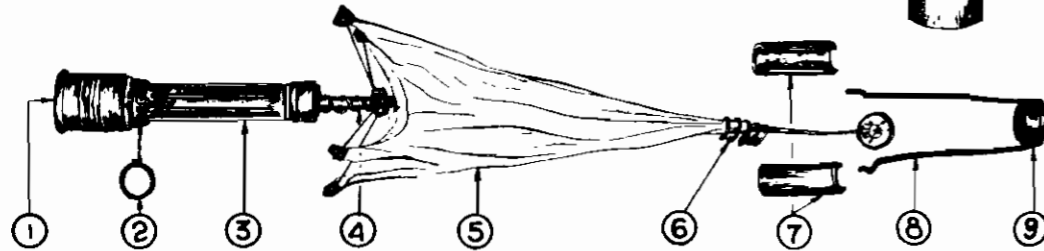
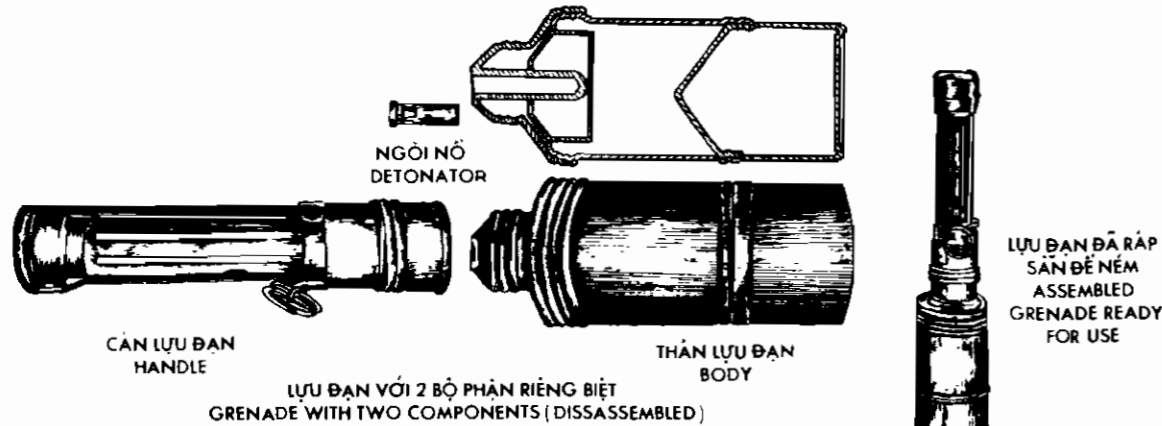
2.- Trong tình trạng ném đi không nổ : Tuyệt đối không được sơ mọ dụng chạm mạnh, vì có thể nổ bất ngờ, cần được báo-cáo để chuyên viên thu lượm hoặc phá hủy.

#### DISASSEMBLY OF GRENADE :

1.- Before the grenade is thrown : The removal of the safety pin is easy and not dangerous since the firing pin strikes the detonator by inertia only. To remove the safety pin assembly, remove the parachute lock first.

After the parachute assembly has been disassembled, never let the grenade fall head down on the ground since it will create the inertia causing the firing pin to strike the primer and exploding the grenade. (The disassembly must be done by a Ordnance specialist).

2.- Dud grenade : It is absolutely prohibited to touch this grenade, since it may explode unexpectedly. Report it to an Ordnance specialist for disposition.



BỘ PHẦN CÁN LỤ ĐẠN THẢO RỜI  
HANDLE COMPONENTS (DISSASSEMBLED)

LỤ ĐẠN DÙ NÉM TAY NỔ LỖM C.C.X. KIỂU RMG

(Nghĩ ngờ của Nga-Sô)

Lựu đạn kể trên được nghĩ- ngờ là của Nga-Sô vì theo sự nhận định mẫu-tụ Nga La Tư R.K.G. có nghĩa là :

R : Hand (Tay)  
K : Armor defeating (Đánh phá chiến-xa)  
G : Grenade (lựu đạn)

MÔ TẢ :

Là loại lựu đạn hình trụ bằng thiếc, nổ lồm C.C.X. và thiết-ván-xa, dù chạm ở góc độ nghiêng nhỏ vẫn nổ. Nặng 1 Kg 200, dài 385 ly, sơn màu ô-liu, gồm có 3 bộ-phần riêng biệt.

Thân lựu đạn  
Ngòi nổ  
Cán lựu đạn

Cả ba bộ-phần này được để riêng biệt, chỉ được vãn ráp lại khi đem sử-dụng.

Thân lựu đạn : Đường kính 70 ly, nặng 0kg750, dài 180 ly, bên trong chứa 310 qung thuốc nổ (miếng thuốc nổ hình cung), trên mặt của khối thuốc nổ này có đặt thêm thuốc nổ TNT đượ, ở nơi đầu thân lựu đạn có một lỗ để chứa ngòi nổ, và ngòi nổ này chỉ được lắp vào lựu đạn khi đem ra sử-dụng.

Cán lựu đạn :  
Đường kính 40 ly, nặng 0kg450, dài 205 ly gồm có các thành phần sau :

ANTI-TANK PARACHUTE SHAPE HAND GRENADE MODEL RMG

(Possibly of Russian Manufacture)

This type of grenade is believed to be a Russian product because the meaning of the letters RMG in the Russian language is as follows :

R : Hand  
K : Armor defeating (destruction of tank)  
G : Grenade.

DESCRIPTION :

It is cylindrical and is made of tin. The grenade is used against tanks and APC's and explodes at a low impact angle. Weight 1.200 Kg/2-1/2 pounds. Length : 385mm/15 inches; Color: Olive drab. This grenade is composed of three different components:  
Body of the grenade  
Fuse  
Handle

They are kept separately and assembled just before use.

Body of the grenade :

Diameter 70mm/3 inches (Approx)  
Weight 0.750 Kg/2 pounds (Approx)  
Length 180mm/7 inches (Approx)

The charge is cast TNT. At the head of the body is a fuse well. The fuze is attached to the grenade prior to use.

Handle of the grenade :

Diameter 40mm/2 inches (Approx)  
Weight 0.450 kg/1 pound (Approx)  
Length 205mm/8 inches (Approx)

It is composed of the following parts :

- 1- Kim hỏa nằm bên trong cán lưu-dạn.
- 2- Chốt an-toan
- 3- Phần chừa bộ-phận dù
- 4- Lò-so ép va bung dù
- 5- Bộ-phận dù
- 6- Lò-so ép va bung nắp dù
- 7- Hai miếng nhôm hình bán trụ dùng để ghép lại khi dù được gấp lại
- 8- Cán an-toan
- 9- Nắp chặn bộ-phận dù

**ĐẶC-TÍNH:**

Trọng lượng toàn bộ	1 kg 200
Trọng lượng thân lưu-dạn	0 kg 750
Trọng lượng cán lưu-dạn	0 kg 450
Độ xuyên phá	Lên tới 130 ly thép
Bán kính sát thương	150 thước

**CO-HÀNH:**

Khi sử dụng tay nắm chặt cán lưu-dạn, rút chốt an-toan rồi ném. Khi lưu-dạn rời khỏi tay, vị tác-dụng của lò-so làm bung nắp chặn dù (ở đầu cán) về phía sau, đồng thời lò-so ép của bộ-phận dù cũng được bung ra và tổng dù ra khỏi ống, dù có tác-dụng làm ổn-dịnh hướng đi của lưu-dạn và chạm mục-tiêu được chính xác.

Khi lưu-dạn chạm mục-tiêu, do lực quán-tính kim hỏa được qua tới trước, đánh vào hạt ngòi nổ, làm nổ ngòi nổ, đồng thời làm nổ luôn lưu-dạn.

**A. Cách thức ráp:** Cán thân lưu-dạn sẵn trong tay, lấy ngòi nổ bỏ vào lỗ có sẵn ở đầu thân lưu-dạn, xong cầm lấy cán lưu-dạn cho vào khớp răng ốc của thân lưu-dạn vặn máy lại cho chặt, như thế lưu-dạn đã sẵn sàng sử-dụng.

- 1- Firing pin located inside the handle.
- 2- Safety pin
- 3- Parachute
- 4- Parachute spring
- 5- Two pieces of aluminum of half cylindrical shape used to hold the parachute when folded
- 6- Safety lever
- 7- Closing cap

**CHARACTERISTICS:**

Overall weight	1.200kg/2-1/2 pounds (Approx)
Weight of body	0.750kg/2 pounds (Approx)
Weight of handle	0.450kg/1 pound (Approx)
Penetrating power	Up to 130mm of steel /5inches
Effective fragmentation radius	: 150 meters/ 154 yards (Approx)

**OPERATION:**

To use this type of grenade, tightly hold the handle, pull out the safety pin. When thrown, the spring ejects the parachute holding cap (at the head of the handle) to the rear and the recoil spring ejects the parachute out of the handle. The parachute stabilizes the grenade.

Upon impact, the inertia activated firing pin moves forward and strikes the detonator and detonates the grenade.

**A. Assembly:** Hold the body of the grenade in the hand, place the fuze in the hole at the head of the body, then screw the handle firmly into the grenade body. Thus the grenade is ready for use.

**B. Cách thức tháo:** Làm trái ngược lại theo thứ tự kể trên. (Chỉ tháo được, khi lưu dạn còn nguyên vẹn, chưa ném đi). **CHÚ Ý:** Khi lưu dạn được ném đi mà không nổ, tuyệt đối không được sờ mó, đừng chạm đến nữa để tránh tai nạn vì lưu dạn có thể nổ bất ngờ, cần phải được báo cáo để chuyển viên thu mua phá hủy.

**LƯU-ĐIỂM:** Sức công phá rất mạnh không kém gì đạn súng không giật.

**KHUYẾT ĐIỂM:** Nhạy nổ, tránh dùng chạm mạnh, chỉ lắp ngòi nổ và ráp nối hai bộ phận "thân" và "cán lưu-dạn" khi đem sử-dụng. Khi ném tránh những nơi có vật cản trở.

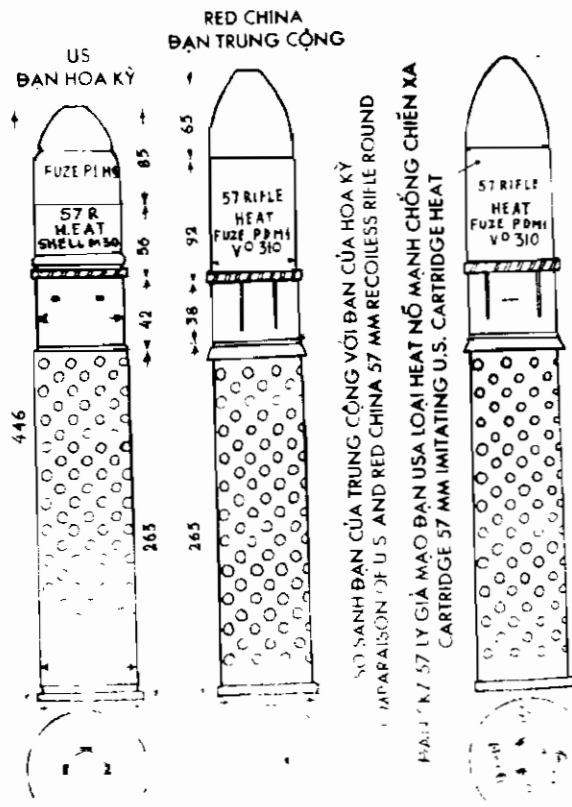
**NHẬN XÉT:** Ngoài ưu đánh phá chiến xa và thiết giáp xa, lưu dạn này còn dùng để đánh phá các lô cốt, đồn bốt, tàu thủy, nhất là loại tàu FOM và có thể dùng để đánh bộ binh nữa.

**B. Disassembly:** Follow the above procedure in a reverse manner. Disassembly is possible only when the grenade is intact and has not been thrown. **NOTE:** It is absolutely forbidden to touch a dud grenade since it may unexpectedly explode. It is necessary to report to (ordnance) specialists for disposition.

**ADVANTAGE:** The grenade has approximately the same effects on armor as RR ammunition (HEAT).

**DISADVANTAGE:** Sensitive, thus avoid shock, attach the fuze and screw the handle into the body before use only. Avoid throwing the grenade at target where there are obstacles.

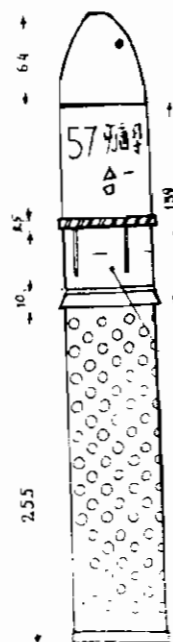
**COMMENTS:** This grenade is designed not only for use against tanks and APC's but also against blockhouses, posts, vessels, especially FOM and infantry troops.



SO SÁNH ĐẠN CỦA TRUNG CỘNG VỚI ĐẠN CỦA HOA KỲ  
COMPARISON OF U.S. AND RED CHINA 57 MM RECOILLESS RIFLE ROUND

SO SÁNH ĐẠN USA LOẠI HEAT NỔ MẠNH CHỐNG CHIẾN XA  
CARTRIDGE 57 MM IMITATING U.S. CARTRIDGE HEAT

MẶT TRƯỚC  
FRONT SIDE

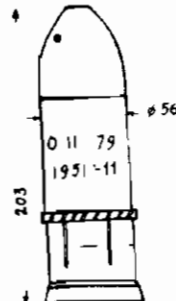


ĐẠN SKZ 57 LY TRUNG CỘNG  
LOẠI NỔ MẠNH CHỐNG CHIẾN XA  
CARTRIDGE 57 MM HEAT. RED CHINA

GIẢI NGHĨA EXPLANATION

ĐẠN SKZ 57 LY TRUNG CỘNG  
LOẠI NỔ MẠNH CHỐNG CHIẾN XA  
CARTRIDGE 57 MM HEAT. RED CHINA

MẶT SAU  
REAR SIDE



ĐẠN ĐẠI-BÁC 57 LY KHÔNG GIẬT TRUNG-CỘNG

LOẠI NỔ MẠNH CHỐNG CHIẾN XA.

Đạn Đại-Bác 57 ly không giật của Trung-Cộng bề ngoài trông giống như đạn cùng loại của Hoa-Kỳ. Đạn này mao hoa ghi chỉ danh theo đạn Hoa-Kỳ. Tuy nhiên, có vài điểm đặc-biệt so sánh để nhận dạng hai loại đạn:

ĐẠN HOA-KỲ

a/ Hỏa-pháo: Có khắc số, lỗ, nằm chế tạo. Không có lỗ, ở các ngăn ở đỉnh đầu hỏa-pháo kín.

b/ Tác đạn: Sơn mờ, rãnh ăn vào khung-tuyên dài có ghi chỉ danh đạn đúng cách (chữ ghi màu xanh quân-dội.)

c/ Vỏ đạn: Làm tinh-và, được sơn bóng bằng màu nâu sẫm, đáy có rãnh rập rập.

ĐẠN TRUNG - CỘNG

a/ Hỏa-pháo: Không khắc chữ, không có ngăn, có 2 lỗ đối nhau (có lẽ để siết hỏa-pháo vào tạo đạn. Đầu hỏa-pháo là một lỗ đã được bịt kín để tránh ẩm.

b/ Tác đạn: Dài hơn (tính từ miệng vỏ đạn đến đầu hỏa-pháo) của Hoa-Kỳ khoảng 15 ly, sơn bóng, rãnh ăn vào khung-tuyên ngắn hơn khoảng 2 ly, không tinh-vi và chỉ danh không ghi đúng cách, (chữ ghi sáng sủa.)

c/ Vỏ đạn: Dài hơn của Hoa Kỳ khoảng 4 ly, có 4 đường rãnh xe tại miệng vỏ đạn, sơn màu đen, chế tạo không tinh-vi.

CHICOM 57MM RECOILLESS RIFLE SHELL,  
ARMOR PIERCING, HE.

A ChiCom 57mm RR cartridge looks like that of U.S. manufacture. The cartridge bears U.S. nomenclature and markings but the 2 types are different due to the following characteristics:

US. SHELL

CHICOM SHELL

a/ Fuze: Carved with lot number and the year of manufacture. There are no holes on the surface of the fuze body.

b/ Projectile: Painted OD with precut rotation band, the shell nomenclature is properly marked (in yellow color)

c/ Case: Meticulously made, smoothly painted, with a projectile head firmly attached in detail.

a/ Fuze: No lettering, 2 holes in the fuze body opposite each other (perhaps to tighten the fuze to the shell). Its head is covered by a disk preventing humidity from entering the fuze.

b/ Projectile: Longer (measured from the case opening to the fuze end) than US shell approx. 15mm, smoothly painted, precut rotation band is 2 mm shorter, not meticulously made, improper nomenclature, painted in yellow letters.

c/ Case: Approx. 4mm longer than of US., 4 slots on the cartridge case neck, painted dark, is smoothly painted in detail.

DAN SKZ 75 ly CUA TRUNG CONG

CHICOM 75MM RECOILLESS RIFLE SHELL

Dan SKZ 75 ly của Trung Cộng trông tương tự như đạn của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nếu xét kỹ thì thấy bộ phận hình nón ở cổ bộ phận chứa thuốc tống trên viên đạn Trung Cộng dài hơn là ở trên viên đạn Hoa Kỳ. Do đó súng của Trung Cộng có thể sử dụng đạn của Hoa Kỳ, và ngược lại đạn của Trung Cộng không thể dùng cho súng của Hoa Kỳ được.

A Chicom 75mm RR cartridge looks similar to that of U.S. manufacture. However, a close inspection will show that the taper on the neck of the propellant case of Chicom ammunition is longer than for U.S. ammunition. This results in Chicom ability to use U.S. ammunition in Chicom rifles. However, Chicom ammunition cannot be fired from U.S. Rifles.

The capabilities of the Chicom recoilless rifle are anticipated as being similar to the U.S. M20. Ranges for the U.S. weapon are:

HE (43° elevation) - - - - 6,955 yards.

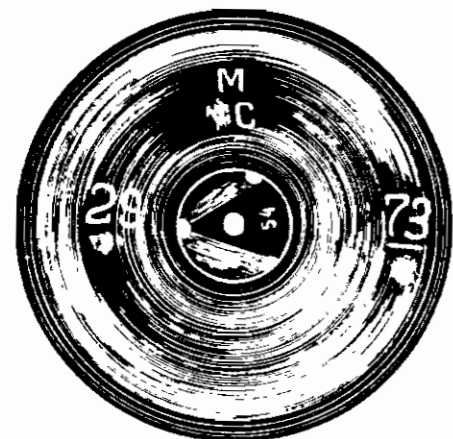
HDAT (12° elevation) - - - - 3,500 yards.

SKZ của Trung Cộng có thể có những khả năng giống như loại M20 của Hoa Kỳ. Tầm tác xạ của súng Hoa Kỳ là:

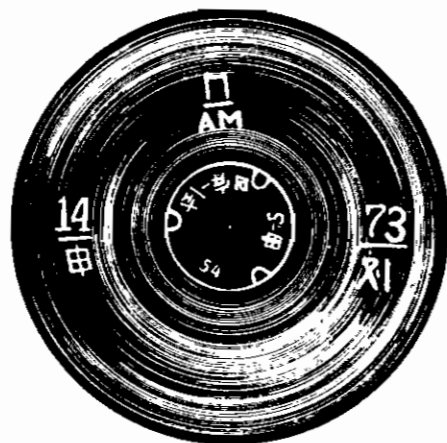
Nổ mạnh (Biểu xích 43°): 6.955 yards

Nổ mạnh chống chiến xa (Biểu xích 12°) : 3.500 yards





HÀNG CHỮ TÂU Ở QUANH HỘT NỔ VÀ Ở VÀNH  
ĐÈ ĐẠN ĐAI BẮC 75 LY KZ ĐÃ ĐƯỢC CAO XÓA  
THE CHINESE MARKINGS ON THE CARTRIDGE BASE  
WAS ERASED



HÀNG CHỮ TÂU Ở QUANH HỘT NỔ VÀ Ở VÀNH  
ĐÈ ĐẠN ĐAI BẮC 75 LY KZ CHƯA BI CAO XÓA  
THE CHINESE MARKING ON THE CARTRIDGE  
WAS INTACT